

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực biến đổi khí hậu thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Biến đổi khí hậu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực biến đổi khí hậu thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2025.

Các thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định này thay thế các thủ tục hành chính tương ứng đã được công bố tại Quyết định số 559/QĐ-BNNMT ngày 31 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực biến

đổi khí hậu thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Cục trưởng Cục Biến đổi khí hậu, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Đỗ Đức Duy (để báo cáo);
- Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở NN&MT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm soát TTHC, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường: các Thứ trưởng; các Vụ, Văn phòng Bộ, Cổng thông tin điện tử Bộ, Báo Nông nghiệp và Môi trường;
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Lưu: VT, BĐKH, VP(KSTTHC).

Cum

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Lê Công Thành

Phụ lục.

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH; THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC
CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng 7 năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

**1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực biến đổi khí hậu
thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường**

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG				
1	Đăng ký tài khoản trên Hệ thống đăng ký quốc gia về hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon	Biến đổi khí hậu	- Khoản 11 Điều 139 Luật Bảo vệ môi trường 2020; - Khoản 15 Điều 1, Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025.	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
2	Công nhận / Điều chỉnh phương pháp tạo tín chỉ các-bon theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước	Biến đổi khí hậu	- Điểm d khoản 2, khoản 8 Điều 91, khoản 6 Điều 139 Luật Bảo vệ môi trường 2020; - Khoản 17 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025.	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
3	Đăng ký / Điều chỉnh dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước	Biến đổi khí hậu	- Điểm d khoản 2, khoản 8 Điều 91, khoản 6 Điều 139 Luật Bảo vệ môi trường 2020; - Khoản 17 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025.	Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
4	Thay đổi thành phần tham gia dự án.	Biến đổi khí hậu	- Điểm d khoản 2, khoản 8 Điều 91, khoản 6 Điều 139 Luật Bảo vệ môi trường 2020; - Khoản 17 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025.	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
5	Hủy đăng ký dự án.	Biến đổi khí hậu	- Điểm d khoản 2, khoản 8 Điều 91, khoản 6 Điều 139 Luật Bảo vệ môi trường 2020; - Khoản 17 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025.	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
6	Cấp tín chỉ các-bon theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước.	Biến đổi khí hậu	- Điểm d khoản 2, khoản 8 Điều 91, khoản 6 Điều 139 Luật Bảo vệ môi trường 2020; - Khoản 17 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025.	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
7	Chấp thuận đăng ký chuyển đổi chương trình, dự án đăng ký theo Cơ chế phát triển sạch (CDM) sang Cơ chế Điều 6.4 Thỏa thuận Paris.	Biến đổi khí hậu	- Khoản 6, khoản 11 Điều 139 Luật Bảo vệ môi trường 2020; - Khoản 18 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025.	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
8	Chấp thuận chuyển giao quốc tế tín chỉ các-bon, kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.	Biến đổi khí hậu	- Khoản 6, khoản 11 Điều 139 Luật Bảo vệ môi trường 2020; - Khoản 18 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025.	Bộ Nông nghiệp và Môi trường

2. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực biến đổi khí hậu thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG					
1	1.010683	Xác nhận tín chỉ các-bon để trao đổi trên Sàn giao dịch các-bon.	Biến đổi khí hậu	- Khoản 11 Điều 139 Luật Bảo vệ môi trường 2020; - Khoản 16 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025.	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
2	1.010684	Chấp thuận chương trình, dự án đăng ký theo Cơ chế Điều 6.4 Thỏa thuận Paris.	Biến đổi khí hậu	- Khoản 6, khoản 11 Điều 139 Luật Bảo vệ môi trường 2020; - Khoản 18 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025.	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
3	1.010685	Đăng ký sử dụng, phân bổ hạn ngạch sản xuất, nhập khẩu các chất được kiểm soát.	Biến đổi khí hậu	- Điểm a khoản 2 Điều 92 Luật Bảo vệ môi trường 2020; - Khoản 21 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025.	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
4	1.010686	Điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch sản xuất, nhập khẩu các chất được kiểm soát.	Biến đổi khí hậu	- Điểm a khoản 2 Điều 92 Luật Bảo vệ môi trường 2020; - Khoản 23 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025.	Bộ Nông nghiệp và Môi trường

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH CẤP TRUNG ƯƠNG

1. Đăng ký tài khoản trên Hệ thống đăng ký quốc gia về hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon

1.1. Trình tự thực hiện

a) Bước 1: Nộp hồ sơ

Tổ chức tham gia chương trình, dự án quy định tại điểm c khoản 1 Điều 20a Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, được bổ sung tại khoản 18 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ gửi hồ sơ đăng ký tài khoản tới Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo một trong các hình thức:

- Tổ chức nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (sau đây gọi tắt là Bộ phận Một cửa); địa điểm tại trụ sở chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, số 10 Tôn Thất Thuyết, TP. Hà Nội.

- Tổ chức nộp hồ sơ trực tuyến tại cổng dịch vụ công tại địa chỉ: <http://dichvucong.mae.gov.vn>.

b) Bước 2: Cấp tài khoản hoặc từ chối cấp tài khoản

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký, Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp tài khoản thông tin cho tổ chức; trường hợp từ chối cấp tài khoản nêu rõ lý do.

1.2. Cách thức thực hiện

- *Cách thức nộp hồ sơ:* Nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính.
- *Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ:* Nhận thông báo cấp tài khoản thông qua Bộ phận Một cửa hoặc hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị đăng ký theo Mẫu số 01 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ (*bản chính*);

(2) Tài liệu chương trình, dự án được đăng ký theo quy định của các cơ chế;

(3) Phương thức liên lạc của chương trình, dự án được đăng ký theo quy định của các cơ chế.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Tổ chức Việt Nam tham gia chương trình, dự án thuộc các cơ chế quy định tại điểm c khoản 1 Điều 20a Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, được bổ sung tại khoản 18 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ.

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan thẩm quyền quyết định: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cục Biến đổi khí hậu.
- Cơ quan phối hợp: Cơ quan, tổ chức có liên quan.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Tổ chức được cấp tài khoản trên Hệ thống đăng ký quốc gia về hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon.

1.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Đơn đề nghị đăng ký theo Mẫu số 01 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức Việt Nam tham gia chương trình, dự án thuộc các cơ chế quy định tại điểm c khoản 1 Điều 20a Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, được bổ sung tại khoản 18 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Khoản 11 Điều 139 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;
- Khoản 15 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn.

Mẫu số 01

*(Ban hành kèm theo Phụ lục V Nghị định số 119/2025/NĐ-CP
ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ)*

TÊN CƠ QUAN/TỔ CHỨC**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐĂNG KÝ**

Tài khoản trên Hệ thống đăng ký quốc gia về hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Căn cứ Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn;

Căn cứ Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn;

Tên cơ quan/tổ chức:

Đại diện cơ quan/tổ chức: Chức vụ:

Mã đăng ký doanh nghiệp:

Mã số thuế cơ quan/tổ chức:

Địa chỉ:

Điện thoại:Fax:

Email:

Website của cơ quan/tổ chức:

Đề nghị đăng ký tài khoản trên Hệ thống đăng ký quốc gia về hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon cho công ty/tổ chức do tôi là người đại diện hợp pháp theo pháp luật với những thông tin sau:

1. Tên cơ quan/tổ chức:

Tên cơ quan/tổ chức viết bằng tiếng Việt *(ghi bằng chữ in hoa)*:

.....

Tên cơ quan/tổ chức viết bằng tiếng nước ngoài *(nếu có)*:

.....

2. Thông tin về chương trình, dự án trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon:

- Tên đầy đủ, mã đăng ký của chương trình/dự án:

.....

- Tên cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon dự án đăng ký:

.....

- Lĩnh vực giảm phát thải khí nhà kính của chương trình/dự án:

.....

- Thời gian đăng ký thực hiện dự án:

.....

- Tổng lượng tín chỉ dự kiến được phân bổ từ chương trình, dự án:

.....

- Lượng tín chỉ đã được cấp của chương trình, dự án (nếu có):

.....

- Số seri tín chỉ bắt đầu, kết thúc (nếu có):

.....

- Cơ quan cấp tín chỉ (nếu có):

.....

Hồ sơ đăng ký tài khoản trên Hệ thống đăng ký quốc gia về hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon bao gồm:

(1)

(2)

(3)

(Liệt kê các tài liệu trong hồ sơ đề nghị xác nhận theo danh mục Hồ sơ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 18 Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, được bổ sung tại khoản 15 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ)

Cơ quan/Tổ chức chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nếu vi phạm các quy định về yêu cầu đối với các thông tin đã cung cấp.

Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét cấp tài khoản tín chỉ các-bon trên Hệ thống đăng ký quốc gia về hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon.

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...

TM. CƠ QUAN/TỔ CHỨC

(Đại diện cơ quan, tổ chức ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Tài liệu gửi kèm theo (ngoài danh mục quy định tại khoản 6 Điều 18 Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, được bổ sung tại khoản 15 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ, nếu có):...

2. Công nhận/Điều chỉnh phương pháp tạo tín chỉ các-bon theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước

2.1. Trình tự thực hiện

a) Bước 1: Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân có đề nghị công nhận/điều chỉnh phương pháp tạo tín chỉ các-bon theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước gửi hồ sơ tới bộ quản lý lĩnh vực (Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ) theo một trong các hình thức:

Trường hợp gửi hồ sơ tới Bộ Nông nghiệp và Môi trường:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Một cửa của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, địa điểm tại trụ sở chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, số 10 Tôn Thất Thuyết, TP. Hà Nội;
- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tuyến tại cổng dịch vụ công tại địa chỉ: <http://dichvucong.mae.gov.vn>.

Trường hợp gửi hồ sơ tới Bộ Công Thương:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Một cửa của Bộ Công Thương;
- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tuyến tại cổng dịch vụ công tại địa chỉ: <http://dichvucong.moit.gov.vn>.

Trường hợp gửi hồ sơ tới Bộ Xây dựng:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Một cửa của Bộ Xây dựng;
- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tuyến tại cổng dịch vụ công tại địa chỉ: <http://dichvucong.moc.gov.vn>.

b) Bước 2: Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị, bộ quản lý lĩnh vực có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ và thông báo cho tổ chức về một trong các trường hợp: Chấp nhận hồ sơ hợp lệ; yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ hoặc từ chối nếu hồ sơ không hợp lệ.

Thời hạn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không quá 15 ngày kể từ ngày có thông báo. Thời gian hoàn thiện hồ sơ không được tính vào thời hạn thực hiện thủ tục công nhận/ điều chỉnh phương pháp.

c) Bước 3: Đăng tải hồ sơ lấy ý kiến rộng rãi

Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, bộ quản lý lĩnh vực đăng tải hồ sơ đề nghị công nhận/ điều chỉnh phương pháp tạo

tín chỉ các-bon trên trang thông tin điện tử của bộ quản lý lĩnh vực để lấy ý kiến rộng rãi trong thời gian 15 ngày.

d) Bước 4: Tổ chức đánh giá hồ sơ

Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày kết thúc lấy ý kiến rộng rãi, bộ quản lý lĩnh vực tổ chức đánh giá phương pháp tạo tín chỉ các-bon bằng hình thức thành lập Hội đồng đánh giá có ít nhất 09 thành viên, bao gồm Chủ tịch hội đồng, Phó Chủ tịch hội đồng, Ủy viên thư ký, 02 Ủy viên phản biện và ít nhất 04 Ủy viên hội đồng là đại diện cơ quan có liên quan trực thuộc bộ quản lý lĩnh vực và các chuyên gia có chuyên môn phù hợp.

đ) Bước 5: Quyết định công nhận phương pháp tạo tín chỉ các-bon

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả đánh giá của Hội đồng, bộ quản lý lĩnh vực xem xét, quyết định bằng một trong các hình thức sau:

- Công nhận/Điều chỉnh phương pháp tạo tín chỉ các-bon bằng văn bản theo Mẫu số 03E Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ gửi cho tổ chức, cá nhân đề nghị và gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường để công bố trên Hệ thống đăng ký quốc gia về hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon.

- Có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận/điều chỉnh phương pháp luận tạo tín chỉ các-bon bổ sung, hoàn thiện trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của bộ quản lý lĩnh vực. Thời gian bổ sung, hoàn thiện phương pháp tạo tín chỉ các-bon không tính vào thời hạn thực hiện thủ tục công nhận phương pháp tạo tín chỉ các-bon.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung, hoàn thiện, bộ quản lý lĩnh vực xem xét, quyết định công nhận/điều chỉnh phương pháp tạo tín chỉ các-bon gửi cho tổ chức, cá nhân và gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường để công bố trên Hệ thống đăng ký quốc gia về hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon.

- Trường hợp không công nhận/điều chỉnh phương pháp tạo tín chỉ các-bon, bộ quản lý lĩnh vực trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị và nêu rõ lý do.

2.2. Cách thức thực hiện

- *Cách thức nộp hồ sơ:* Nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính.

- *Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ:* Nhận Quyết định công nhận phương pháp tạo tín chỉ các-bon thông qua Bộ phận Một cửa hoặc hệ thống dịch vụ công trực tuyến của các bộ quản lý lĩnh vực.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị công nhận/điều chỉnh phương pháp tạo tín chỉ các-bon theo Mẫu số 03A Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ (*bản chính*);

(2) Tài liệu phương pháp tạo tín chỉ các-bon theo Mẫu số 03B Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết

- Thời hạn kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: 03 ngày làm việc.
- Thời hạn đăng tải hồ sơ lấy ý kiến rộng rãi: 01 ngày làm việc.
- Thời hạn lấy ý kiến rộng rãi: 15 ngày.
- Thời hạn tổ chức đánh giá hồ sơ: 45 ngày.
- Trình phê duyệt và trả kết quả giải quyết: 05 ngày làm việc.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Tổ chức, cá nhân Việt Nam, nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam có đề nghị công nhận phương pháp tạo tín chỉ các-bon theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước.

2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan thẩm quyền quyết định: Bộ quản lý lĩnh vực (Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng).
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cơ quan được bộ quản lý lĩnh vực giao thực hiện.
- Cơ quan phối hợp: Cơ quan, tổ chức có liên quan.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định công nhận phương pháp tạo tín chỉ các-bon theo Mẫu số 03E Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ.

2.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

(1) Đơn đề nghị công nhận phương pháp tạo tín chỉ các-bon theo Mẫu số 03A Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ.

(2) Tài liệu phương pháp tạo tín chỉ các-bon theo Mẫu số 03B Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ.

(3) Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá theo Mẫu số 03C Phụ lục V ban

hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ.

(4) Biên bản họp Hội đồng theo Mẫu số 03D Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ.

(5) Phiếu đánh giá của thành viên Hội đồng theo Mẫu số 03Đ Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ.

(6) Quyết định công nhận phương pháp tạo tín chỉ các-bon theo Mẫu số 03E Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Tổ chức, cá nhân Việt Nam, nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam có đề nghị công nhận phương pháp tạo tín chỉ các-bon theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Điểm d khoản 2, khoản 8 Điều 91 và khoản 6 Điều 139 Luật Bảo vệ môi trường 2020;

- Khoản 17 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn.

Mẫu số 03A

*(Ban hành kèm theo Phụ lục V Nghị định số 119/2025/NĐ-CP
ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ)*

TÊN CƠ QUAN/TỔ CHỨC**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐỀ NGHỊ****Công nhận/Điều chỉnh phương pháp tạo tín chỉ các-bon**

Kính gửi:

*(ghi rõ tên bộ quản lý lĩnh vực nhận hồ sơ đề nghị công nhận/điều chỉnh
phương pháp tạo tín chỉ áp dụng cho cơ chế trao đổi, bù trừ
tín chỉ các-bon trong nước)*

Tên cá nhân/cơ quan/tổ chức:

Đại diện cơ quan/tổ chức (nếu có):

Chức vụ (nếu có):

Mã đăng ký doanh nghiệp (trường hợp cơ quan/tổ chức đăng ký):

.....

Thông tin căn cước công dân/hộ chiếu (trường hợp cá nhân đăng ký):

.....

Địa chỉ:

Điện thoại liên hệ: Fax:

Email:

Đề nghị công nhận/điều chỉnh phương pháp tạo tín chỉ áp dụng cho cơ chế
trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước với những thông tin sau:

- Tên phương pháp đề nghị công nhận/điều chỉnh:

.....

- Số phiên bản phương pháp đề nghị công nhận/điều chỉnh (nếu có):

.....

- Phạm vi ngành áp dụng phương pháp:

.....

- Ngày hoàn thành phương pháp:

.....

- Lý do điều chỉnh (trong trường hợp đề nghị điều chỉnh):

.....

.....

Hồ sơ đề nghị công nhận/điều chỉnh phương pháp tạo tín chỉ áp dụng cho cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước bao gồm:

(1)

(2)

(3)

(Liệt kê các tài liệu trong hồ sơ đề nghị xác nhận theo danh mục Hồ sơ quy định tại điểm a khoản 5 Điều 20 Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, được bổ sung tại khoản 17 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ).

Chúng tôi xin bảo đảm về độ trung thực và tuân thủ quy định pháp luật về sở hữu trí tuệ của các số liệu, tài liệu, thông tin trong Hồ sơ đề nghị. Nếu có gì sai phạm, chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và quốc tế.

Đề nghị Bộxem xét công nhận/điều chỉnh phương pháp tạo tín chỉ áp dụng cho Cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước của Việt Nam (ghi rõ tên bộ quản lý lĩnh vực nhận hồ sơ đề nghị công nhận/điều chỉnh phương pháp tạo tín chỉ áp dụng cho cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước).

Tài liệu gửi kèm theo (ngoài danh mục quy định tại điểm a khoản 5 Điều 20 Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, được bổ sung tại khoản 17 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ, nếu có).

(Địa danh), ngày... tháng... năm...

TM. TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 03B

(Ban hành kèm theo Phụ lục V Nghị định số 119/2025/NĐ-CP
ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ)

MẪU TÀI LIỆU PHƯƠNG PHÁP TẠO TÍN CHỈ CÁC-BON**I. Thông tin về phương pháp****1. Thông tin chung**

Tên cơ quan/tổ chức/cá nhân đề nghị công nhận điều chỉnh phương pháp	
Phạm vi ngành áp dụng phương pháp	
Tên phương pháp được đề nghị công nhận/điều chỉnh và số phiên bản	
Tài liệu tham khảo xây dựng/đề nghị điều chỉnh phương pháp (số ký hiệu, tên và phiên bản làm căn cứ yêu cầu điều chỉnh phương pháp)	
Tóm tắt các sửa đổi (khoảng 300 từ) trong trường hợp đề nghị điều chỉnh phương pháp	
Danh mục các tài liệu gửi kèm:	☐ Dự thảo Tài liệu thiết kế dự án theo Cơ chế đính kèm: ☐ Thông tin bổ sung
Ngày hoàn thành:	

2. Lịch sử công nhận/điều chỉnh phương pháp

Phiên bản	Ngày	Nội dung sửa đổi

II. Mô tả phương pháp**1. Giải thích thuật ngữ**

Thuật ngữ	Định nghĩa

2. Tóm tắt nội dung phương pháp

Nội dung	Mô tả tóm tắt
Các biện pháp giảm phát thải khí nhà kính	Liệt kê đầy đủ và tóm tắt nội dung các biện pháp giảm phát thải khí nhà kính
Xác định lượng phát thải tham chiếu	Tóm tắt phương pháp xác định lượng phát thải tham chiếu
Tính toán lượng phát thải của dự án	Tóm tắt phương pháp để tính toán lượng phát thải của dự án
Các thông số giám sát	Liệt kê đầy đủ các thông số và tóm tắt phương pháp giám sát chính

3. Tiêu chí về tính phù hợp

Phương pháp này được áp dụng đối với các dự án đáp ứng được tất cả các tiêu chí sau:

STT	Mô tả tiêu chí ¹
Tiêu chí 1	
Tiêu chí 2	
Tiêu chí 3	

4. Các nguồn phát thải và các dạng khí nhà kính phát sinh

Lượng phát thải tham chiếu	
Các nguồn phát thải	Loại khí nhà kính
Lượng phát thải của dự án	
Các nguồn phát thải	Loại khí nhà kính

5. Xây dựng đường phát thải tham chiếu

1. Phương pháp xác định lượng phát thải tham chiếu
2. Tính toán lượng phát thải tham chiếu

6. Tính toán lượng phát thải của dự án

7. Tính toán lượng giảm phát thải khí nhà kính từ dự án

III. Tham số mặc định²

Tên tham số	Mô tả dữ liệu về tham số mặc định	Nguồn trích dẫn

¹ Tiêu chí về tính phù hợp là yêu cầu đặt ra đối với dự án để có thể áp dụng được phương pháp. Các tiêu chí phải đảm bảo nguyên tắc có thể kiểm tra khách quan, dễ dàng kiểm tra trong quá trình thẩm định, tránh phải giám sát khi áp dụng, bao gồm:

- Các đặc điểm để xác định biện pháp (như: công nghệ, sản phẩm, dịch vụ, lĩnh vực) được áp dụng cho phương pháp đề xuất.
- Các điều kiện cần thiết để tính toán chính xác lượng giảm phát thải khí nhà kính bằng thuật toán sử dụng trong phương pháp đề xuất (như: tình hình trước khi triển khai biện pháp trong trường hợp tính toán đường phát thải cơ sở dựa trên lịch sử hoạt động của cơ sở).

² Tham số mặc định là các giá trị mặc định được áp dụng để tính toán trong phương pháp đề xuất (như: tỷ lệ cải thiện hiệu quả tiêu thụ năng lượng (EER_j), hệ số phát thải CO_2 của điện năng trong một khoảng thời gian ($EF_{e,p}$), nhiệt trị ròng của nhiên liệu hóa thạch (dầu, diesel, dầu hỏa, khí tự nhiên) ($NCV_{i,p}$), Hệ số phát thải CO_2 của nhiên liệu hóa thạch i (dầu diesel, dầu hỏa, khí đốt tự nhiên...) trong một khoảng thời gian ($EF_{CO_2,i,p}$) ...

Mẫu số 03C

*(Ban hành kèm theo Phụ lục V Nghị định số 119/2025/NĐ-CP
ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ)*

(1)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

*(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...***QUYẾT ĐỊNH**

**Thành lập Hội đồng đánh giá phương pháp tạo tín chỉ
áp dụng cho cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước (2)**

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ... (3) ...*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;**Căn cứ (4);**Căn cứ Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn;**Căn cứ Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày
07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính
và bảo vệ tầng ô-dôn;**Xét Văn bản số ... ngày ... tháng ... năm ... của (5) về việc đề nghị đánh giá
phương pháp tạo tín chỉ áp dụng cho cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong
nước (2);**Theo đề nghị của (6).***QUYẾT ĐỊNH:**

Điều 1. Thành lập hội đồng đánh giá phương pháp tạo tín chỉ áp dụng cho cơ
chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước gồm các ông (bà) có tên sau đây:

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chức vụ, đơn vị công tác	Chức danh trong hội đồng
1				Chủ tịch
2				Phó chủ tịch (nếu cần thiết)
3				Ủy viên phản biện
4				Ủy viên phản biện
5				Ủy viên
...				...
...				Ủy viên thư ký

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ xem xét, đánh giá phương pháp tạo tín chỉ áp dụng cho cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước (2), chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả đánh giá và gửi kết quả cho (3).

Hội đồng đánh giá tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Chi phí hoạt động của hội đồng được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

(6), (7) và các thành viên hội đồng có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- (5);
- ...
- Lưu: ...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Tên bộ nhận hồ sơ phương pháp đề nghị công nhận/điều chỉnh;
- (2) Tên phương pháp đề nghị công nhận/điều chỉnh;
- (3) Thủ trưởng hoặc người đứng đầu của (1);
- (4) Tên của văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của (1);
- (5) Tổ chức/cá nhân đề nghị đánh giá phương pháp;
- (6) Chức danh của thủ trưởng hoặc người đứng đầu cơ quan được giao tổ chức đánh giá;
- (7) Chức danh người đứng đầu của (5) hoặc tên cá nhân đề nghị công nhận/điều chỉnh phương pháp.

Mẫu số 03D

*(Ban hành kèm theo Phụ lục V Nghị định số 119/2025/NĐ-CP
ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN**Họp Hội đồng đánh giá phương pháp tạo tín chỉ các-bon**

Tên phương pháp được đánh giá:.....

Thời gian họp: ngày tháng năm

Địa điểm họp:

I. THÀNH PHẦN THAM DỰ CUỘC HỌP**1. Hội đồng đánh giá:**

- Thành viên hội đồng có mặt (chỉ nêu số lượng thành viên hội đồng có mặt):

- Thành viên hội đồng vắng mặt (ghi rõ số lượng kèm theo họ tên, chức danh trong hội đồng của tất cả các thành viên vắng mặt; nêu rõ có lý do hoặc không có lý do; trường hợp ủy quyền tham dự họp, nêu đầy đủ tên của văn bản ủy quyền)

2. Đại diện tổ chức/cá nhân đề xuất phương pháp**3. Đại diện cơ quan quản lý nhà nước khác có liên quan (nếu có)****4. Đại biểu tham dự: ...****II. NỘI DUNG VÀ DIỄN BIẾN CUỘC HỌP**

(Yêu cầu ghi theo trình tự diễn biến của phiên họp hội đồng, ghi đầy đủ, trung thực các câu hỏi, trả lời, các ý kiến trao đổi, thảo luận của các bên tham gia phiên họp hội đồng đánh giá)

1. Ủy viên thư ký thông báo lý do cuộc họp và giới thiệu thành phần tham dự; giới thiệu người chủ trì phiên họp (Chủ tịch hội đồng hoặc Phó Chủ tịch hội đồng trong trường hợp được Chủ tịch hội đồng ủy quyền) điều hành phiên họp

2. Đại diện tổ chức/cá nhân đề nghị công nhận/điều chỉnh phương pháp trình bày tóm tắt về phương pháp *(ghi những nội dung chính được tổ chức/cá nhân đề nghị công nhận/điều chỉnh phương pháp trình bày, đặc biệt chú trọng vào các nội dung trình bày khác so với tài liệu phương pháp)*

3. Thảo luận, trao đổi giữa thành viên hội đồng với tổ chức/cá nhân đề nghị công nhận/điều chỉnh phương pháp về nội dung của phương pháp ghi chi tiết và đầy đủ các nội dung trao đổi)

4. Ý kiến nhận xét về Tài liệu phương pháp của các thành viên hội đồng

5. Ý kiến của các đại biểu tham dự (nếu có)

6. Ý kiến phản hồi của tổ chức/cá nhân đề nghị công nhận/điều chỉnh phương pháp.

III. KẾT LUẬN CUỘC HỌP

1. Người chủ trì phiên họp công bố kết luận của hội đồng đánh giá: được tổng hợp trên cơ sở ý kiến của các thành viên hội đồng đánh giá, trong đó người chủ trì phiên họp kết luận theo các nội dung đánh giá quy định tại điểm d khoản 5 Điều 20 số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, được bổ sung tại khoản 17 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ kèm theo những nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung (nếu có), cụ thể như sau:

- Sự phù hợp của biện pháp giảm phát thải khí nhà kính;

- Sự phù hợp của phương pháp tính lượng phát thải khí nhà kính khi chưa áp dụng biện pháp giảm phát thải khí nhà kính;

- Sự phù hợp của phương pháp tính lượng giảm phát thải khí nhà kính khi áp dụng biện pháp giảm phát thải khí nhà kính;

- Sự phù hợp của các tham số giám sát hoạt động dự án.

2. Ý kiến khác của các thành viên hội đồng đánh giá (nếu có): ...

3. Ý kiến của tổ chức/cá nhân đề nghị công nhận/điều chỉnh phương pháp

4. Kết quả phiếu đánh giá:

- Số phiếu thông qua phương pháp không cần chỉnh sửa, bổ sung: ...

- Số phiếu thông qua phương pháp với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung:

- Số phiếu không thông qua phương pháp: ...

Người chủ trì cuộc họp tuyên bố kết thúc cuộc họp.

Biên bản được hoàn thành vào hồi... giờ... ngày ... tháng ... năm ... đã đọc kỹ cho những người tham dự cùng nghe; đã được thống nhất giữa các bên liên quan và được lập thành 03 bản có giá trị pháp lý như nhau.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 03Đ

*(Ban hành kèm theo Phụ lục V Nghị định số 119/2025/NĐ-CP
ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ
Phương pháp tạo tín chỉ các-bon

I. Thông tin của thành viên hội đồng đánh giá

1. Họ và tên người nhận xét:
2. Học hàm, học vị:
3. Chức vụ, đơn vị công tác:
4. Chức danh trong hội đồng:
5. Điện thoại liên hệ:
6. Email:
7. Địa chỉ liên hệ:
8. Tên phương pháp:

II. Ý kiến đánh giá

1. Nhận xét về nội dung của phương pháp:

TT	Nội dung đánh giá	Đánh giá từng nội dung (Chọn 1 trong 3 mức đánh giá): (1) Đạt yêu cầu; (2) Cần hoàn thiện; (3) Không đạt yêu cầu	Nêu rõ lý do trong trường hợp đánh giá mức (2) hoặc (3)
1	Sự phù hợp của biện pháp giảm phát thải khí nhà kính		
2	Sự phù hợp của phương pháp tính lượng phát thải khí nhà kính khi chưa áp dụng biện pháp giảm phát thải khí nhà kính		
3	Sự phù hợp phương pháp tính lượng phát thải khí nhà kính khi áp dụng biện pháp giảm phát thải khí nhà kính		
4	Sự phù hợp của các tham số giám sát hoạt động dự án		

2. Nhận xét về các nội dung khác ngoài Mục 1 nêu trên và câu hỏi (nếu có):

.....

.....

.....

.....

.....

3. Những yêu cầu đối với phương pháp khi xem xét phê duyệt phương pháp tạo tín chỉ áp dụng cho cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ áp dụng cho cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước:

.....

.....

.....

.....

.....

III. Kết luận

(Nêu rõ 01 trong 03 mức độ: thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung; thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung; không thông qua):

.....

.....

.....

.....

.....

(Địa danh), ngày... tháng... năm...

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 03E

*(Ban hành kèm theo Phụ lục V Nghị định số 119/2025/NĐ-CP
ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ)*

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-...

(Địa danh), ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH**Công nhận phương pháp tạo tín chỉ các-bon (2)**

....(3)...

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ (04);

Căn cứ Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn;

Căn cứ Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn;

Xét đề nghị công nhận/điều chỉnh phương pháp tạo tín chỉ các-bon tại Công văn/văn bản số... ngày... tháng... năm...;

Theo đề nghị của (5).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận phương pháp tạo tín chỉ các-bon áp dụng cho cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước với thông tin như sau:

- Tên phương pháp:
- Mã số phương pháp:
- Thông tin chi tiết phương pháp tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Phương pháp nêu tại Điều 1 được áp dụng đối với các dự án đăng ký theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon (2).

Nơi nhận:

- Nơi nhận khác (nếu có);
- Lưu:...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan công nhận phương pháp;
- (2) Tên phương pháp đề nghị công nhận/điều chỉnh;
- (3) Thủ trưởng hoặc người đứng đầu của (1);
- (4) Tên của văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của (1);
- (5) Chức danh của thủ trưởng hoặc người đứng đầu cơ quan được giao tổ chức đánh giá.

3. Đăng ký/điều chỉnh dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước

3.1. Trình tự thực hiện

a) Bước 1: Nộp hồ sơ

(1) Cơ quan, tổ chức có đề nghị đăng ký/điều chỉnh dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước gửi hồ sơ đăng ký/điều chỉnh dự án tới bộ quản lý lĩnh vực (Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ) theo một trong các hình thức:

Trường hợp gửi hồ sơ tới Bộ Nông nghiệp và Môi trường:

- Cơ quan, tổ chức nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Một cửa của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, địa điểm tại trụ sở chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, số 10 Tôn Thất Thuyết, TP. Hà Nội;
- Cơ quan, tổ chức nộp hồ sơ trực tuyến tại cổng dịch vụ công tại địa chỉ: <http://dichvucong.mae.gov.vn>.

Trường hợp gửi hồ sơ tới Bộ Công Thương:

- Cơ quan, tổ chức nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Một cửa của Bộ Công Thương;
- Cơ quan, tổ chức nộp hồ sơ trực tuyến tại cổng dịch vụ công tại địa chỉ: <http://dichvucong.moit.gov.vn>.

Trường hợp gửi hồ sơ tới Bộ Xây dựng:

- Cơ quan, tổ chức nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Một cửa của Bộ Xây dựng;
- Cơ quan, tổ chức nộp hồ sơ trực tuyến tại cổng dịch vụ công tại địa chỉ: <http://dichvucong.moc.gov.vn>.

(2) Tổ chức có đề nghị đăng ký/điều chỉnh dự án đa lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của hai bộ trở lên gửi hồ sơ đăng ký về Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo một trong các hình thức:

- Cơ quan, tổ chức nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Một cửa của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, địa điểm tại trụ sở chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, số 10 Tôn Thất Thuyết, TP. Hà Nội;
- Cơ quan, tổ chức nộp hồ sơ trực tuyến tại cổng dịch vụ công tại địa chỉ: <http://dichvucong.mae.gov.vn>.

b) Bước 2: Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, bộ quản lý lĩnh vực thông báo cho cơ quan, tổ chức về tính hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ

sơ không hợp lệ, tổ chức hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày có thông báo. Thời gian hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời hạn thực hiện thủ tục đăng ký/điều chỉnh dự án.

c) Bước 3: Đăng tải hồ sơ lấy ý kiến rộng rãi

Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, bộ quản lý lĩnh vực đăng tải hồ sơ đề nghị đăng ký/điều chỉnh dự án trên trang thông tin điện tử của bộ quản lý lĩnh vực để lấy ý kiến rộng rãi trong thời gian 30 ngày.

d) Bước 4: Tổng hợp và thông báo ý kiến góp ý

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc lấy ý kiến rộng rãi, bộ quản lý lĩnh vực tổng hợp ý kiến và thông báo cho cơ quan, tổ chức nộp hồ sơ.

đ) Bước 5: Hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến tại thông báo

Cơ quan, tổ chức hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến tại thông báo và gửi đơn vị quy định tại quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, được bổ sung tại khoản 17 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ để thực hiện thẩm định.

Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, cơ quan, tổ chức gửi hồ sơ đề nghị đăng ký/điều chỉnh dự án đã hoàn thiện kèm báo cáo thẩm định tài liệu dự án theo Mẫu số 04E Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ tới bộ quản lý lĩnh vực.

Đơn vị thẩm định quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, được bổ sung tại khoản 17 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ lựa chọn thực hiện thẩm định tài liệu dự án trước, trong hoặc sau thời hạn lấy ý kiến rộng rãi.

e) Bước 6: Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ sau hoàn thiện

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị đăng ký/điều chỉnh dự án đã hoàn thiện, bộ quản lý lĩnh vực thông báo cho cơ quan, tổ chức đề xuất về tính hợp lệ của hồ sơ.

Trong trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan, tổ chức đề xuất hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn không quá 05 ngày kể từ ngày có thông báo. Thời gian hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời hạn thực hiện thủ tục đăng ký/điều chỉnh dự án.

g) Bước 7: Lấy ý kiến về việc phê duyệt đăng ký dự án

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, bộ quản lý lĩnh vực gửi hồ sơ tới Bộ Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, tổ chức liên quan lấy ý kiến về việc phê duyệt đăng ký/điều chỉnh dự án. Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn tối đa 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến.

h) Bước 8: Tổ chức đánh giá, quyết định phê duyệt đăng ký dự án

Trong thời hạn 07 ngày sau khi nhận được ý kiến của các cơ quan, tổ chức, bộ quản lý lĩnh vực tổ chức đánh giá theo các nội dung: biện pháp giảm phát thải khí nhà kính, phương pháp tạo tín chỉ các-bon, các tham số giám sát hoạt động dự án; phê duyệt đăng ký dự án bằng quyết định theo Mẫu số 04G Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ và gửi cho tổ chức, cá nhân đề nghị đăng ký/điều chỉnh, Bộ Nông nghiệp và Môi trường để công bố trên Hệ thống đăng ký quốc gia về hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon; trường hợp không phê duyệt đăng ký/điều chỉnh phải nêu rõ lý do.

Cơ quan, tổ chức có nhu cầu điều chỉnh quy mô, công suất của dự án đã được đăng ký thực hiện theo trình tự đề nghị đăng ký dự án.

3.2. Cách thức thực hiện

- *Cách thức nộp hồ sơ:* Nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính.

- *Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ:* Nhận Quyết định về việc phê duyệt đăng ký/điều chỉnh dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước thông qua Bộ phận Một cửa hoặc hệ thống dịch vụ công trực tuyến của các bộ quản lý lĩnh vực.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị đăng ký dự án theo Mẫu số 04A Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ (*bản chính*);

(2) Tài liệu thiết kế dự án theo Mẫu số 04B Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ;

(3) Kế hoạch giám sát dự án theo Mẫu số 04C Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ;

(4) Kế hoạch thực hiện phát triển bền vững theo Mẫu số 04D Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ;

(5) Phương thức liên lạc theo Mẫu số 04Đ Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ;

(6) Báo cáo thẩm định tài liệu dự án theo Mẫu số 04E Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ (*bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực*);

(7) Bản sao các loại giấy phép liên quan đến hoạt động chuyên môn của dự án theo quy định pháp luật hiện hành.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3.4. Thời hạn giải quyết

- Thời hạn kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: 03 ngày làm việc.
- Thời hạn đăng tải hồ sơ lấy ý kiến rộng rãi: 01 ngày làm việc.
- Thời hạn lấy ý kiến rộng rãi: 30 ngày.
- Thời hạn tổng hợp và thông báo ý kiến: 05 ngày làm việc.
- Thời hạn kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ sau hoàn thiện: 03 ngày làm việc.
- Thời hạn lấy ý kiến về việc phê duyệt đăng ký dự án: 13 ngày làm việc.
- Tổ chức đánh giá, quyết định phê duyệt đăng ký dự án: 07 ngày làm việc.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Cơ quan, tổ chức Việt Nam, nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam có đề nghị đăng ký dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước.

3.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan thẩm quyền quyết định: Bộ quản lý lĩnh vực (Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng).
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cơ quan được bộ quản lý lĩnh vực giao thực hiện.
- Cơ quan phối hợp: Cơ quan, tổ chức có liên quan.

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định về việc phê duyệt đăng ký dự án tạo tín chỉ các-bon theo Mẫu số 04G Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ.

3.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- (1) Đơn đề nghị đăng ký dự án theo Mẫu số 04A Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ;
- (2) Tài liệu thiết kế dự án theo Mẫu số 04B Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ;
- (3) Kế hoạch giám sát dự án theo Mẫu số 04C Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ;
- (4) Kế hoạch thực hiện phát triển bền vững theo Mẫu số 04D Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ;
- (5) Phương thức liên lạc theo Mẫu số 04Đ Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ;
- (6) Báo cáo thẩm định tài liệu dự án theo Mẫu số 04E Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ;
- (7) Quyết định về việc phê duyệt đăng ký dự án tạo tín chỉ các-bon theo

Mẫu số 04G Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ.

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Cơ quan, tổ chức Việt Nam, nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam có đề nghị đăng ký dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước.

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Điểm d khoản 2, khoản 8 Điều 91 và khoản 6 Điều 139 Luật Bảo vệ môi trường 2020;

- Khoản 17 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn.

Mẫu số 04A

*(Ban hành kèm theo Phụ lục V Nghị định số 119/2025/NĐ-CP
ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ)*

TÊN TỔ CHỨC

Số: ... /...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐỀ NGHỊ****Đăng ký/Điều chỉnh dự án**

Kính gửi:

*(Ghi tên Bộ quản lý lĩnh vực nhận hồ sơ đề nghị đăng ký/điều chỉnh dự án
theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước).*

(Tên cơ quan/tổ chức đại diện đề nghị công nhận/điều chỉnh dự án) đề nghị
(tên bộ quản lý lĩnh vực nhận hồ sơ đề nghị đăng ký/điều chỉnh dự án theo cơ chế
trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước) chấp thuận đăng ký/điều chỉnh (tên dự
án) theo các nội dung sau:

I. Thông tin về tổ chức đại diện đề nghị

1. Tên tổ chức đại diện đề nghị:
2. Mã đăng ký doanh nghiệp:
3. Mã số thuế cơ quan/tổ chức:
4. Người đại diện cơ quan/tổ chức đại diện:..... Chức vụ:
- CCCD/Hộ chiếu số:
5. Địa chỉ trụ sở:
6. Địa chỉ liên hệ:
7. Điện thoại liên hệ:
8. Fax:
9. Email:

II. Thông tin về tổ chức khác (dự kiến) tham gia dự án *(ghi rõ tên các cơ
quan/tổ chức (dự kiến) tham gia dự án, mã đăng ký doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở
của cơ quan/tổ chức (dự kiến) tham gia dự án)*

III. Nội dung đề nghị

Đề nghị đăng ký/điều chỉnh dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-
bon trong nước với những thông tin sau:

1. Tên đầy đủ dự án đề nghị đăng ký/điều chỉnh:

.....

2. Địa điểm thực hiện dự án:

3. Dự kiến thời gian thực hiện dự án:

4. Dự kiến kinh phí thực hiện dự án:
5. Dự kiến tiến độ thực hiện dự án (khởi công/lắp đặt trang thiết bị/vận hành):.....
6. Lĩnh vực giảm phát thải khí nhà kính của dự án:
.....
7. Dự kiến lượng giảm phát thải khí nhà kính từ dự án:.....; lượng tín chỉ quy đổi:
8. Số lần điều chỉnh dự án (nếu có):
9. Lý do điều chỉnh (nếu có):
.....

IV. Các văn bản, tài liệu kèm theo

Hồ sơ đề nghị đăng ký/điều chỉnh dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước bao gồm:

- (1)
- (2)
- (3)

(Liệt kê các tài liệu trong hồ sơ đề nghị xác nhận theo danh mục Hồ sơ quy định tại điểm a khoản 6 Điều 20 Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, được bổ sung tại khoản 17 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ)

Chúng tôi xin bảo đảm về độ trung thực và tuân thủ quy định pháp luật về đầu tư dự án. Nếu có gì sai phạm, chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và quốc tế.

Đề nghị (tên bộ quản lý lĩnh vực nhận hồ sơ đề nghị) xem xét phê duyệt đăng ký/điều chỉnh (tên dự án) theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước của Việt Nam.

(Địa danh), ngày tháng năm

TM. CƠ QUAN/TỔ CHỨC

(Đại diện cơ quan, tổ chức ký, ghi rõ họ tên
và đóng dấu)

Tài liệu gửi kèm theo (ngoài danh mục quy định tại điểm a khoản 6 Điều 20 Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, được bổ sung tại khoản 17 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ, nếu có): ...

Mẫu số 04B

*(Ban hành kèm theo Phụ lục V Nghị định số 119/2025/NĐ-CP
ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ)*

TÀI LIỆU THIẾT KẾ DỰ ÁN**A. Mô tả dự án****A.1. Tên dự án**

(Đề nghị nêu rõ công nghệ áp dụng và lĩnh vực thực hiện của dự án)

--

A.2. Mô tả chung về dự án, công nghệ và/hoặc giải pháp dự kiến sử dụng

(Đề nghị mô tả: Mục đích; phương pháp giảm phát thải/hấp thụ khí nhà kính)

--

A.3. Vị trí dự án (kèm tọa độ)

Quốc gia thực hiện	Việt Nam
Tỉnh/Thành phố	
Xã/Phường	
Vĩ độ, kinh độ:	

A.4. Tên của bên tham gia dự án

Việt Nam	
...	

A.5. Thời gian thực hiện

Thời điểm bắt đầu thực hiện dự án	
Thời gian thực hiện dự án (dự kiến)	

B. Áp dụng phương pháp đã được phê duyệt**B.1. Lựa chọn phương pháp**

(Điền số ký hiệu của phương pháp được phê duyệt và số của phiên bản sử dụng trong dự án)

Số ký hiệu của phương pháp	
Số phiên bản	
Số ký hiệu của phương pháp	
Số phiên bản	

B.2. Sự phù hợp của dự án đối với phương pháp được áp dụng

STT	Mô tả trong phương pháp ³	Hoạt động dự án ⁴
Tiêu chí 1		
Tiêu chí 2		
Tiêu chí 3		

C. Tính toán lượng giảm phát thải

C.1. Liệt kê nguồn phát thải và khí nhà kính

Phát thải đường cơ sở	
Các nguồn phát thải	Khí nhà kính
Phát thải dự án	
Các nguồn phát thải	Loại khí nhà kính

C.2. Nguồn phát thải và vị trí giám sát nguồn phát thải

(Minh họa bằng sơ đồ)

--

C.3. Tính toán lượng giảm phát thải trong từng năm

Năm	Phát thải đường cơ sở (tấn CO ₂ tđ)	Phát thải dự án (tấn CO ₂ tđ)	Lượng giảm phát thải (tấn CO ₂ tđ)
Năm A			
Năm B			
Năm C			
Tổng (tấn CO ₂ tđ)			

D. Đánh giá tác động môi trường

Quy định pháp lý liên quan đến đánh giá tác động môi trường cho dự án	
---	--

(Lựa chọn “Có” hoặc “Không” tùy theo quy định về lập báo cáo đánh giá tác động môi trường. Đính kèm đánh giá tác động môi trường trong trường hợp lựa chọn “CÓ”.)

³ Liệt kê lại các mô tả được xác định cho từng tiêu chí phù hợp trong phương pháp áp dụng.

⁴ Giải thích cách dự án đáp ứng từng tiêu chí đủ điều kiện của phương pháp áp dụng.

Đ. Tham vấn các bên liên quan

Đ.1. Quy trình tham vấn

--

Đ.2. Tổng hợp ý kiến và giải trình

Các bên liên quan	Ý kiến	Giải trình

E. Tài liệu tham khảo

--

Phụ lục

--

(Thông tin thêm về ước tính lượng giảm phát thải, nếu cần thiết).

Quá trình sửa đổi tài liệu thiết kế dự án
--

Phiên bản	Ngày	Nội dung sửa đổi

Mẫu số 04C

(Ban hành kèm theo Phụ lục V Nghị định số 119/2025/NĐ-CP
ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ)

KẾ HOẠCH GIÁM SÁT DỰ ÁN**Bảng 1. Các thông số giám sát thực tế**

(a)	(b)	(c)	(d)	(e)	(f)	(g)	(h)	(i)	(k)
Số điểm giám sát	Tham số	Mô tả dữ liệu	Ước tính các giá trị	Các đơn vị	Phương án giám sát	Nguồn dữ liệu	Phương pháp và quy trình đo lường	Tần suất giám sát	Ý kiến khác

Bảng 2: Các thông số cụ thể của dự án sẽ được cố định dự kiến

(a)	(b)	(c)	(d)	(e)	(f)
Tham số	Mô tả dữ liệu	Ước tính các giá trị	Các đơn vị	Nguồn dữ liệu	Ý kiến khác

Bảng 3. Dự kiến về mức giảm phát thải CO₂

Lượng giảm phát thải CO ₂	Các đơn vị
...	tCO ₂ / p

Bảng 4. Phương án giám sát

Phương án giám sát	Cơ sở đề xuất
Phương án A	Dựa trên dữ liệu công khai được đo lường bởi các tổ chức không phải là các bên tham gia dự án (Dữ liệu được sử dụng: dữ liệu được công nhận công khai như dữ liệu thống kê và thông số kỹ thuật)
Phương án B	Dựa trên số lượng giao dịch được đo trực tiếp bằng thiết bị đo lường (Dữ liệu được sử dụng: bằng chứng thương mại như hóa đơn...)
Phương án C	Dựa trên kết quả đo thực tế bằng thiết bị đo lường (Dữ liệu được sử dụng: giá trị đo được)

Bảng 5. Tổ chức giám sát

Người chịu trách nhiệm	Vai trò
Quản lý dự án	Chịu trách nhiệm lập kế hoạch, thực hiện dự án, giám sát kết quả và báo cáo.
Phó giám đốc dự án	Phụ trách duyệt dữ liệu lưu trữ sau khi đã được kiểm tra và chỉnh sửa khi cần thiết.
Người quản lý cơ sở	Phụ trách quy trình giám sát (thu thập và lưu trữ dữ liệu), bao gồm các thiết bị giám sát và hiệu chuẩn, và đào tạo nhân viên giám sát.
Người điều hành	Phụ trách việc kiểm tra các số liệu lưu trữ có bất thường và thiếu.
...	

Mẫu số 04D

(Ban hành kèm theo Phụ lục V Nghị định số 119/2025/NĐ-CP
ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ)

**KẾ HOẠCH / BÁO CÁO
THỰC HIỆN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA DỰ ÁN**

A. Mô tả dự án**A.1. Tên dự án**

--

A.2. Thông tin chung của dự án

Số tham chiếu	
Ngày đăng ký	.../.../...
Thời gian giám sát	Bắt đầu: .../.../..., Kết thúc: .../.../...

B. Đóng góp cho phát triển bền vững**B.1 Danh sách kiểm tra đóng góp cho phát triển bền vững**

TT	Các mục		Không xác định	Đã xác định	Mô tả các hành động khắc phục trong trường hợp đánh dấu ô “đã xác định”
1	Báo cáo đánh giá tác động môi trường	Dự án được đưa vào Báo cáo đánh giá tác động môi trường	☐	☐	
2	Kiểm soát ô nhiễm	Xảy ra ô nhiễm chất lượng không khí xung quanh	☐	☐	
3		Xảy ra ô nhiễm chất lượng nước	☐	☐	
4		Xảy ra phát sinh chất thải	☐	☐	
5		Xảy ra tiếng ồn và/hoặc độ rung	☐	☐	
6		Xảy ra sụt lún đất	☐	☐	
7		Xảy ra mùi xung quanh	☐	☐	
8	An toàn và sức khỏe	Xảy ra sự cố hoặc tai nạn lao động	☐	☐	
9	Môi trường tự nhiên và đa dạng sinh học	Thay đổi tình trạng khu vực được bảo vệ	☐	☐	
10		Thay đổi điều kiện sử dụng đất và hệ sinh thái	☐	☐	
11		Giới thiệu các loài ngoại lai	☐	☐	

TT	Các mục		Không xác định	Đã xác định	Mô tả các hành động khắc phục trong trường hợp đánh dấu ô “đã xác định”
12		Tác động môi trường trong khi xây dựng	☐	☐	
13		Sử dụng nước bề mặt, nước ngầm và/hoặc nước ngầm sâu	☐	☐	
14	Kinh tế	Giảm năng lực lao động địa phương	☐	☐	
15		Suy giảm phúc lợi cộng đồng địa phương	☐	☐	
16	Sự tham gia của cộng đồng xã hội và địa phương	Vi phạm nhân quyền thông qua chuỗi cung ứng và thực hiện dự án	☐	☐	
17		Các vấn đề liên quan đến quyền về sức khỏe, quyền của người dân bản địa, cộng đồng địa phương, người di cư, trẻ em, người khuyết tật và người có hoàn cảnh dễ bị tổn thương và quyền phát triển, cũng như bình đẳng giới, trao quyền cho phụ nữ và công bằng giữa các thế hệ	☐	☐	
18		Xuất hiện tái định cư hoặc xung đột	☐	☐	
19		Thất bại trong việc theo dõi các nhận xét và khiếu nại	☐	☐	
20		Vi phạm điều kiện làm việc quy định	☐	☐	
21	Công nghệ	Thất bại trong việc xây dựng năng lực con người và thể chế bằng chuyển giao công nghệ	☐	☐	
22		Thất bại trong việc cung cấp được thông số kỹ thuật công nghệ và sách hướng dẫn sử dụng ít nhất bằng tiếng Anh và tiếng Việt nếu có	☐	☐	

Đánh dấu vào từng ô “Không xác định” hoặc “Đã xác định” tùy thuộc vào loại tác động thông qua việc thực hiện dự án phù hợp với từng hạng mục được xác định. Khi ô “Đã xác định” được đánh dấu, các bên tham gia dự án được yêu cầu mô tả các hành động khắc phục đối với từng tác động “Đã xác định”.

B.2 Mô tả đóng góp của dự án theo Cơ chế... cho sự phát triển bền vững ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam dưới đây:

--

Mẫu số 04Đ

(Ban hành kèm theo Phụ lục V Nghị định số 119/2025/NĐ-CP
ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ)

PHƯƠNG THỨC LIÊN LẠC

Phần 1: Mô tả dự án	
Tên dự án	
Quốc gia thực hiện	Việt Nam
Thời gian đệ trình	Ngày ... tháng ... năm ...

Phần 2: Cơ quan đại diện		
Tên cơ quan:		
Địa chỉ :		
Điện thoại:	Fax:	
Địa chỉ thư điện tử:	Website:	
Người đại diện (chính thức):	Ông ☐ Bà ☐	
Họ:	Tên:	
Chức vụ:		
Chữ ký:	Ngày ... tháng ... năm ...	
Người đại diện (thay thế):	Ông ☐ Bà ☐	
Họ:	Tên:	
Chức vụ:		
Chữ ký:	Ngày ... tháng ... năm ...	
Đầu mối liên hệ:	Ông ☐ Bà ☐	
Họ:	Tên:	
Chức vụ:		
Đơn vị công tác:		
Di động:	Điện thoại cơ quan.:	
Địa chỉ thư điện tử:	Fax:	
CHỈ ÁP DỤNG CHO TRƯỜNG HỢP YÊU CẦU THAY ĐỔI THÔNG TIN SAU KHI ĐĂNG KÝ	Tên cơ quan có thay đổi không?	Có ☐ (Tên cũ:) Không ☐
	Cơ quan đại diện có là bên tham gia dự án không?	Có ☐ Không ☐
	Trong trường hợp cơ quan đại diện là bên tham gia dự án, cơ quan có sử dụng chữ ký đại diện giống chữ ký sử dụng trong vai trò bên tham gia dự án không?	Có ☐ Không ☐

Phần 3: Bên thứ ba	
Bên thứ ba thực hiện thẩm định (và thẩm tra) dự án	
Địa chỉ:	
Đầu mối liên hệ:	Ông ☐ Bà ☐
Họ:	Tên:
Chức vụ:	
Đơn vị công tác:	
Địa chỉ thư điện tử:	Điện thoại liên hệ:

Phần 4: Danh sách các bên tham gia dự án ngoài cơ quan/tổ chức đại diện	
	Tên các bên tham gia dự án
(1)	
(2)	
(3)	
(4)	
(5)	
(6)	

**Có thể chèn thêm dòng vào Bảng, nếu cần thiết*

**Thông tin liên hệ của mỗi bên tham gia dự án sẽ được chỉ rõ tại Phần 5.*

Phần 5: Thông tin liên hệ <i>(Phần dành cho các bên tham gia dự án ngoài cơ quan/tổ chức đại diện)</i>	
Bên tham gia dự án (1)	
Tên bên tham gia dự án:	
Địa chỉ:	
Điện thoại:	Fax:
Địa chỉ thư điện tử:	Website:
Người đại diện (chính thức):	Ông ☐ Bà ☐
Họ:	Tên:
Chức vụ:	
Chữ ký:	Ngày ... tháng ... năm ...

Người đại diện (thay thế):		Ông ☐	Bà ☐
Họ:		Tên:	
Chức vụ:			
Chữ ký:		Ngày ... tháng ... năm ...	
Đầu mối liên hệ:		Ông ☐	Bà ☐
Họ:		Tên:	
Chức vụ:			
Đơn vị công tác:			
Di động:		Điện thoại cơ quan:	
Địa chỉ thư điện tử:		Fax:	
CHỈ ÁP DỤNG CHO TRƯỜNG HỢP YÊU CẦU THAY ĐỔI THÔNG TIN SAU KHI ĐĂNG KÝ	Tên bên tham gia dự án có thay đổi không?	Có ☐ (Tên cũ:) Không ☐	

* Có thể chèn thêm thông tin vào Bảng, nếu cần thiết.

Phần 6: Xác nhận	
Xác nhận của cơ quan/tổ chức đại diện và các bên tham gia dự án.	
Tên cơ quan/tổ chức đại diện: Người đại diện: Chữ ký: Ngày ... tháng ... năm ...	(1) Tên bên tham gia dự án: Người đại diện: Chữ ký: Ngày ... tháng ... năm ...
(2) Tên bên tham gia dự án: Người đại diện: Chữ ký: Ngày ... tháng ... năm ...	(3) Tên bên tham gia dự án: Người đại diện: Chữ ký: Ngày ... tháng ... năm ...
(4) Tên bên tham gia dự án: Người đại diện: Chữ ký: Ngày ... tháng ... năm ...	(5) Tên bên tham gia dự án: Người đại diện: Chữ ký: Ngày ... tháng ... năm ...

* Có thể chèn thêm dòng vào Bảng, nếu cần thiết

* Thông tin liên hệ của mỗi bên tham gia dự án sẽ được chỉ rõ tại Phần 5.

Phần 7: Cam kết không đăng ký trùng lặp	
Cơ quan/tổ chức đại diện cam kết dự án này không được sử dụng để đăng ký tham gia bất kỳ cơ chế giảm phát thải nào khác ngoài Cơ chế này, đảm bảo tránh trùng lặp khi tính toán lượng giảm phát thải/hấp thụ khí nhà kính của dự án.	
Tôi xin cam đoan dự án này chưa được sử dụng để đăng ký vào bất kỳ cơ chế giảm phát thải khí nhà kính quốc tế nào khác ngoài Cơ chế..., đảm bảo tránh trùng lặp khi tính toán lượng giảm phát thải/hấp thụ khí nhà kính.	
Tôi xin cam đoan dự án này sẽ không được đăng ký cho bất kỳ cơ chế giảm phát thải quốc tế nào trong trường hợp dự án được công nhận là dự án thuộc Cơ chế...	
Cơ quan/tổ chức đại diện:	Ông ☐ Bà ☐
Họ:	Tên:
Chức vụ:	
Chữ ký:	Ngày ... tháng ... năm ...

Mẫu số 04E

(Ban hành kèm theo Phụ lục V Nghị định số 119/2025/NĐ-CP
ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ)

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH TÀI LIỆU DỰ ÁN**A. Tóm tắt nội dung****A.1. Thông tin chung**

Tên dự án:	
Số ký hiệu:	
Đơn vị thẩm định độc lập:	
Thành viên tham gia dự án đại diện ký hợp đồng với Đơn vị thẩm định độc lập	
Ngày lập báo cáo:	

A.2. Kết luận về quá trình xác minh

Đánh giá chung về thẩm định dự án	☐ Tích cực ☐ Tiêu cực
-----------------------------------	--

A.3. Tóm tắt các kết luận về quá trình thẩm định

Kết quả thẩm định dự án chỉ được đánh giá tích cực khi tất cả các ô vuông đều được đánh dấu

Nội dung thực hiện	Nội dung thẩm định	Không còn đề nghị sửa đổi (CAR) hoặc đề nghị làm rõ (CL)
Hoàn thành Mẫu tài liệu thiết kế dự án (PDD)	Đơn vị thẩm định làm nhiệm vụ thẩm tra việc hoàn thành PDD có theo đúng mẫu PDD mới nhất, phù hợp với loại dự án, và tuân thủ Hướng dẫn xây dựng PDD trong Cơ chế ..., Hướng dẫn xây dựng kế hoạch và báo cáo giám sát hay không?	☐
Mô tả dự án	Phần mô tả dự án đề xuất trong PDD có đảm bảo tính chính xác, hoàn thiện và bao quát hay không?	☐
Áp dụng (các) phương pháp đã phê duyệt	Phương pháp được lựa chọn áp dụng có phù hợp với các điều kiện của dự án hay không? Và phiên bản áp dụng có còn hiệu lực tại thời điểm đệ trình để thực hiện xác minh dự án hay không?	☐

Nội dung thực hiện	Nội dung thẩm định	Không còn đề nghị sửa đổi (CAR) hoặc đề nghị làm rõ (CL)
Nguồn phát thải và tính toán lượng giảm phát thải	Các nguồn phát thải khí nhà kính sử dụng để tính toán lượng phát thải của dự án và phát thải tham chiếu có được liệt kê đầy đủ hay không?	☐
	Các giá trị mặc định (tính toán trước) cho các thông số của dự án được liệt kê trong Mẫu giám sát có phù hợp hay không (nếu áp dụng)?	☐
Đánh giá tác động môi trường	Trong trường hợp phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM), các thành viên tham gia dự án đã thực hiện ĐTM theo đúng quy định của Việt Nam hay chưa?	☐
Tham vấn các bên liên quan tại địa phương	Các thành viên tham gia dự án phải thực hiện quá trình tham vấn các bên liên quan tại địa phương nhằm gắn kết sự tham gia của các Bên và tập hợp ý kiến đóng góp cho dự án.	☐
Tổ chức giám sát	Phần mô tả về kế hoạch giám sát (sử dụng Mẫu kế hoạch giám sát và Cơ cấu tổ chức giám sát) phải dựa theo phương pháp đã phê duyệt và/hoặc Hướng dẫn về xây dựng PDD, Kế hoạch giám sát và Báo cáo giám sát. Các điểm giám sát đo đạc và việc lắp đặt thiết bị (trong trường hợp cần thiết) phải đảm bảo tính phù hợp.	☐
Ý kiến công chúng	Các thành viên tham gia dự án đảm bảo dữ liệu điền vào PDD có theo đúng Hướng dẫn thủ tục về chu trình dự án.	☐
Các hình thức liên lạc	Thông tin nhận biết về các thành viên tham gia dự án, cơ quan/tổ chức đại diện và cá nhân đại diện cho các đơn vị bao gồm chữ ký mẫu, chức vụ và thông tin về đại diện có thẩm quyền cần được liệt kê trong mẫu về các hình thức liên lạc.	☐
	Mẫu phương thức công bố thông tin phải được hoàn thành một cách chính xác và theo đúng thẩm quyền.	☐
Tránh đăng ký trùng lặp	Dự án đăng ký thực hiện theo Cơ chế ... không được đăng ký tham gia vào bất kỳ cơ chế giảm phát thải khí nhà kính quốc tế nào khác.	☐
Thời điểm bắt đầu thực hiện		☐

Đại diện có thẩm quyền (chính thức):	Ông ☐ Bà ☐
Họ:	Tên:
Chức vụ:	
Chữ ký:	Ngày ... tháng ... năm ...

B. Nhóm công tác thực hiện việc công nhận và chuyên gia

	Thành viên	Cơ quan	Chức vụ	Kinh nghiệm về các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon*	Trình độ chuyên môn*	Kinh nghiệm thực tế
Ông ☐ Bà ☐				☐		☐
Ông ☐ Bà ☐				☐		☐
Ông ☐ Bà ☐				☐		☐

C. Hình thức xác nhận, kết quả và kết luận dựa vào quy định về báo cáo

C.1. Biểu mẫu về tài liệu thiết kế dự án (PDD)

<Hình thức xác nhận>

< Kết quả >

< Kết luận dựa vào quy định về việc báo cáo >

C.2. Mô tả dự án

<Hình thức xác nhận>

< Kết quả >

< Kết luận dựa vào quy định về việc báo cáo >

C.3. Áp dụng (các) phương pháp đã phê duyệt

<Hình thức xác nhận>

< Kết quả >

< Kết luận dựa vào quy định về việc báo cáo >

C.4. Nguồn phát thải và tính toán lượng giảm phát thải

<Hình thức xác nhận>

< Kết quả >

< Kết luận dựa vào quy định về việc báo cáo >

C.5. Đánh giá tác động môi trường

<Hình thức xác nhận>

< Kết quả >

< Kết luận dựa vào quy định về việc báo cáo >

C.6. Tham vấn các bên liên quan tại địa phương

<Hình thức xác nhận>

< Kết quả >

< Kết luận dựa vào quy định về việc báo cáo >

C.7. Tổ chức giám sát

<Hình thức xác nhận>

< Kết quả >

< Kết luận dựa vào quy định về việc báo cáo >

C.8. Các phương thức công bố thông tin

<Hình thức xác nhận>

< Kết quả >

< Kết luận dựa vào quy định về việc báo cáo >

C.9. Tránh đăng ký trùng lặp

<Hình thức xác nhận>

< Kết quả >

< Kết luận dựa vào quy định về việc báo cáo >

C.10. Thời điểm bắt đầu thực hiện dự án

<Hình thức xác nhận>

< Kết quả >

< Kết luận dựa vào quy định về việc báo cáo >

C.11. Các vấn đề khác

<Hình thức xác nhận>

< Kết quả >

< Kết luận dựa vào quy định về việc báo cáo >

D. Thông tin về ý kiến công chúng

D.1. Tóm tắt các ý kiến công chúng

D.2. Tóm tắt quá trình xử lý dữ liệu thu nhận của các thành viên tham gia dự án

E. Danh sách đối tượng thực hiện phỏng vấn và các tài liệu được cung cấp

E.1. Danh sách đối tượng thực hiện phỏng vấn

E.2. Danh sách tài liệu được cung cấp

Phụ lục: Bảng cấp và Sơ yếu lý lịch các thành viên tham gia Nhóm thực hiện thẩm định dự án của Đơn vị thẩm định độc lập

Đính kèm chứng chỉ và sơ yếu lý lịch của các thành viên nhóm thẩm định, các chuyên gia kỹ thuật và phản biện nội bộ của Đơn vị thẩm định độc lập.

Mẫu số 04G

*(Ban hành kèm theo Phụ lục V Nghị định số 119/2025/NĐ-CP
ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ)*

TÊN CƠ QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-...

Hà Nội, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt đăng ký dự án tạo tín chỉ các-bon

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN...

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

*Căn cứ Nghị định số..../NĐ-CP ngày.... tháng.... năm... của Chính phủ
quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ ... ;*

*Căn cứ Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn;*

*Căn cứ Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày
07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính
và bảo vệ tầng ô-dôn;*

*Xét đề nghị đăng ký dự án tại Công văn/văn bản số... ngày... tháng... năm...
của (1);*

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án với thông tin như sau:

- Tên dự án:
- Tên cơ quan, tổ chức đề xuất đăng ký dự án:.....
- Thông tin chi tiết dự án tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Dự án nêu tại Điều 1 được đăng ký tham gia cơ chế trao đổi, bù trừ
tín chỉ trong nước.

Nơi nhận:

- Nơi nhận khác (nếu có);
- Lưu:...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Tên tổ chức đăng ký dự án.

4. Thay đổi thành phần tham gia dự án

4.1. Trình tự thực hiện

a) Bước 1: Nộp hồ sơ

Cơ quan, tổ chức là chủ đầu tư dự án đã được đăng ký theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước có đề nghị thay đổi về thành phần tham gia dự án gửi hồ sơ đề nghị tới bộ quản lý lĩnh vực phê duyệt đăng ký dự án (Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ) theo một trong các hình thức:

Trường hợp gửi hồ sơ tới Bộ Nông nghiệp và Môi trường:

- Cơ quan, tổ chức nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Một cửa của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, địa điểm tại trụ sở chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, số 10 Tôn Thất Thuyết, TP. Hà Nội;
- Cơ quan, tổ chức nộp hồ sơ trực tuyến tại cổng dịch vụ công tại địa chỉ: <http://dichvucong.mae.gov.vn>.

Trường hợp gửi hồ sơ tới Bộ Công Thương:

- Cơ quan, tổ chức nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Một cửa của Bộ Công Thương;
- Cơ quan, tổ chức nộp hồ sơ trực tuyến tại cổng dịch vụ công tại địa chỉ: <http://dichvucong.moit.gov.vn>.

Trường hợp gửi hồ sơ tới Bộ Xây dựng:

- Cơ quan, tổ chức nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Một cửa của Bộ Xây dựng;
- Cơ quan, tổ chức nộp hồ sơ trực tuyến tại cổng dịch vụ công tại địa chỉ: <http://dichvucong.moc.gov.vn>.

b) Bước 2: Thực hiện điều chỉnh và trả kết quả

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được đơn đề nghị, bộ quản lý lĩnh vực thực hiện điều chỉnh theo đề nghị của tổ chức trên Hệ thống đăng ký quốc gia về hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon.

4.2. Cách thức thực hiện

- *Cách thức nộp hồ sơ:* Nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính.
- *Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ:* Kết quả điều chỉnh thành phần tham gia dự án được thể hiện trên Hệ thống đăng ký quốc gia về hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị thay đổi thành phần tham gia dự án theo Mẫu số 05 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ (*bản chính*);

(2) Phương thức liên lạc bổ sung theo Mẫu số 04Đ Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4.4. Thời hạn giải quyết: 10 ngày.

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Cơ quan, tổ chức Việt Nam, nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam là chủ đầu tư dự án đã được đăng ký theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước có đề nghị thay đổi về thành phần tham gia dự án.

4.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- *Cơ quan thẩm quyền quyết định:* Bộ quản lý lĩnh vực (Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng).

- *Cơ quan trực tiếp thực hiện:* Cơ quan được bộ quản lý lĩnh vực giao thực hiện.

- *Cơ quan phối hợp:* Cơ quan, tổ chức có liên quan.

4.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Thông tin về thành phần tham gia dự án đã được đăng ký theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước được điều chỉnh trên Hệ thống đăng ký quốc gia về hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon.

4.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

(1) Đơn đề nghị thay đổi thành phần tham gia dự án theo Mẫu số 05 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ;

(2) Phương thức liên lạc bổ sung theo Mẫu số 04Đ Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ.

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Cơ quan, tổ chức Việt Nam, nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam là chủ đầu tư dự án đã được đăng ký theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước có đề nghị thay đổi về thành phần tham gia dự án.

4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Điểm d khoản 2, khoản 8 Điều 91 và khoản 6 Điều 139 Luật Bảo vệ môi trường 2020;

- Khoản 17 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn.

Mẫu số 05

*(Ban hành kèm theo Phụ lục V Nghị định số 119/2025/NĐ-CP
ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ)*

TÊN TỔ CHỨC**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐỀ NGHỊ****Thay đổi thành phần tham gia dự án**

Kính gửi:

(Ghi tên Bộ quản lý lĩnh vực nhận hồ sơ đề nghị thay đổi thành phần tham gia dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước)

Tên tổ chức đại diện đề nghị:

Đại diện cơ quan/tổ chức đại diện đề nghị:

Chức vụ:

Mã đăng ký doanh nghiệp:

Mã số thuế cơ quan/tổ chức:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Email:

I. Thông tin dự án

1. Tên đầy đủ của dự án:

.....

2. Mã dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước:

.....

II. Đề nghị thay đổi

1. Thông tin thành phần thay đổi:

.....

(Ghi rõ đầu mối liên hệ, đại diện có thẩm quyền chính thức)

2. Lý do thay đổi thành phần dự án:

.....

3. Tác động tới hoạt động của dự án khi thay đổi thành phần (nếu có):

.....

.....

.....

.....

.....

III. Hồ sơ kèm theo

- 1
- 2
- 3

(Liệt kê đầy đủ tài liệu trong hồ sơ đề nghị thay đổi thành phần tham gia dự án theo danh mục Hồ sơ quy định tại điểm a khoản 7 Điều 20 Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, được bổ sung tại khoản 17 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ và các tài liệu khác, nếu có)

Các tổ chức chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nếu vi phạm các quy định về cung cấp thông tin và cam kết hoàn thành các nghĩa vụ phát sinh do quyết định điều chỉnh thành phần tham gia dự án theo đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị (tên bộ quản lý lĩnh vực nhận hồ sơ đề nghị) xem xét, điều chỉnh thành phần dự án.

(Địa danh), ngày tháng năm

TM. CƠ QUAN/TỔ CHỨC

(Đại diện cơ quan, tổ chức ký,
ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 04Đ

(Ban hành kèm theo Phụ lục V Nghị định số 119/2025/NĐ-CP
ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ)

PHƯƠNG THỨC LIÊN LẠC

Phần 1: Mô tả dự án	
Tên dự án	
Quốc gia thực hiện	Việt Nam
Thời gian đệ trình	Ngày ... tháng ... năm ...

Phần 2: Cơ quan đại diện		
Tên cơ quan:		
Địa chỉ :		
Điện thoại:	Fax:	
Địa chỉ thư điện tử:	Website:	
Người đại diện (chính thức):	Ông ☐	Bà ☐
Họ:	Tên:	
Chức vụ:		
Chữ ký:	Ngày ... tháng ... năm ...	
Người đại diện (thay thế):	Ông ☐	Bà ☐
Họ:	Tên:	
Chức vụ:		
Chữ ký:	Ngày ... tháng ... năm ...	
Đầu mối liên hệ:	Ông ☐	Bà ☐
Họ:	Tên:	
Chức vụ:		
Đơn vị công tác:		
Di động:	Điện thoại cơ quan.:	
Địa chỉ thư điện tử:	Fax:	
CHỈ ÁP DỤNG CHO TRƯỜNG HỢP YÊU CẦU THAY ĐỔI THÔNG TIN SAU KHI ĐĂNG KÝ	Tên cơ quan có thay đổi không?	Có ☐ (Tên cũ:) Không ☐
	Cơ quan đại diện có là bên tham gia dự án không?	Có ☐ Không ☐
	Trong trường hợp cơ quan đại diện là bên tham gia dự án, cơ quan có sử dụng chữ ký đại diện giống chữ ký sử dụng trong vai trò bên tham gia dự án không?	Có ☐ Không ☐

Phần 3: Bên thứ ba	
Bên thứ ba thực hiện thẩm định (và thẩm tra) dự án	
Địa chỉ:	
Đầu mối liên hệ:	Ông ☐ Bà ☐
Họ:	Tên:
Chức vụ:	
Đơn vị công tác:	
Địa chỉ thư điện tử:	Điện thoại liên hệ:

Phần 4: Danh sách các bên tham gia dự án ngoài cơ quan/tổ chức đại diện	
	Tên các bên tham gia dự án
(1)	
(2)	
(3)	
(4)	
(5)	
(6)	

**Có thể chèn thêm dòng vào Bảng, nếu cần thiết*

**Thông tin liên hệ của mỗi bên tham gia dự án sẽ được chỉ rõ tại Phần 5.*

Phần 5: Thông tin liên hệ <i>(Phần dành cho các bên tham gia dự án ngoài cơ quan/tổ chức đại diện)</i>	
Bên tham gia dự án (1)	
Tên bên tham gia dự án:	
Địa chỉ:	
Điện thoại:	Fax:
Địa chỉ thư điện tử:	Website:
Người đại diện (chính thức):	Ông ☐ Bà ☐
Họ:	Tên:
Chức vụ:	
Chữ ký:	Ngày ... tháng ... năm ...

Người đại diện (thay thế):		Ông ☐	Bà ☐
Họ:		Tên:	
Chức vụ:			
Chữ ký:		Ngày ... tháng ... năm ...	
Đầu mối liên hệ:		Ông ☐	Bà ☐
Họ:		Tên:	
Chức vụ:			
Đơn vị công tác:			
Di động:		Điện thoại cơ quan:	
Địa chỉ thư điện tử:		Fax:	
CHỈ ÁP DỤNG CHO TRƯỜNG HỢP YÊU CẦU THAY ĐỔI THÔNG TIN SAU KHI ĐĂNG KÝ	Tên bên tham gia dự án có thay đổi không?	Có ☐ (Tên cũ:) Không ☐	

**Có thể chèn thêm thông tin vào Bảng, nếu cần thiết.*

Phần 6: Xác nhận	
Xác nhận của cơ quan/tổ chức đại diện và các bên tham gia dự án.	
Tên cơ quan/tổ chức đại diện: Người đại diện: Chữ ký: Ngày ... tháng ... năm ...	(1) Tên bên tham gia dự án: Người đại diện: Chữ ký: Ngày ... tháng ... năm ...
(2) Tên bên tham gia dự án: Người đại diện: Chữ ký: Ngày ... tháng ... năm ...	(3) Tên bên tham gia dự án: Người đại diện: Chữ ký: Ngày ... tháng ... năm ...
(4) Tên bên tham gia dự án: Người đại diện: Chữ ký: Ngày ... tháng ... năm ...	(5) Tên bên tham gia dự án: Người đại diện: Chữ ký: Ngày ... tháng ... năm ...

**Có thể chèn thêm dòng vào Bảng, nếu cần thiết*

**Thông tin liên hệ của mỗi bên tham gia dự án sẽ được chỉ rõ tại Phần 5.*

Phần 7: Cam kết không đăng ký trùng lặp	
Cơ quan/tổ chức đại diện cam kết dự án này không được sử dụng để đăng ký tham gia bất kỳ cơ chế giảm phát thải nào khác ngoài Cơ chế này, đảm bảo tránh trùng lặp khi tính toán lượng giảm phát thải/hấp thụ khí nhà kính của dự án.	
Tôi xin cam đoan dự án này chưa được sử dụng để đăng ký vào bất kỳ cơ chế giảm phát thải khí nhà kính quốc tế nào khác ngoài Cơ chế, đảm bảo tránh trùng lặp khi tính toán lượng giảm phát thải/hấp thụ khí nhà kính.	
Tôi xin cam đoan dự án này sẽ không được đăng ký cho bất kỳ cơ chế giảm phát thải quốc tế nào trong trường hợp dự án được công nhận là dự án thuộc Cơ chế...	
Cơ quan/tổ chức đại diện:	Ông ☐ Bà ☐
Họ:	Tên:
Chức vụ:	
Chữ ký:	Ngày ... tháng ... năm ...

5. Hủy đăng ký dự án

5.1. Trình tự thực hiện

a) Bước 1: Nộp hồ sơ

Cơ quan, tổ chức là chủ đầu tư dự án đã được đăng ký theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước có đề nghị hủy đăng ký dự án gửi hồ sơ đề nghị tới bộ quản lý lĩnh vực phê duyệt đăng ký dự án (Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ) theo một trong các hình thức:

Trường hợp gửi hồ sơ tới Bộ Nông nghiệp và Môi trường:

- Cơ quan, tổ chức nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Một cửa của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, địa điểm tại trụ sở chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, số 10 Tôn Thất Thuyết, TP. Hà Nội;

- Cơ quan, tổ chức nộp hồ sơ trực tuyến tại cổng dịch vụ công tại địa chỉ: <http://dichvucong.mae.gov.vn>.

Trường hợp gửi hồ sơ tới Bộ Công Thương:

- Cơ quan, tổ chức nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Một cửa của Bộ Công Thương;

- Cơ quan, tổ chức nộp hồ sơ trực tuyến tại cổng dịch vụ công tại địa chỉ: <http://dichvucong.moit.gov.vn>.

Trường hợp gửi hồ sơ tới Bộ Xây dựng:

- Cơ quan, tổ chức nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Một cửa của Bộ Xây dựng;

- Cơ quan, tổ chức nộp hồ sơ trực tuyến tại cổng dịch vụ công tại địa chỉ: <http://dichvucong.moc.gov.vn>.

b) Bước 2: Thực hiện hủy đăng ký dự án và trả kết quả

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đơn đề nghị, bộ quản lý lĩnh vực thực hiện hủy đăng ký dự án theo đề nghị của tổ chức trên Hệ thống đăng ký quốc gia về hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon.

5.2. Cách thức thực hiện

- *Cách thức nộp hồ sơ:* Nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính.

- *Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ:* Kết quả hủy đăng ký dự án được thể hiện trên Hệ thống đăng ký quốc gia về hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon.

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị hủy đăng ký dự án theo Mẫu số 06 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ (*bản chính*);

(2) Phương thức liên lạc theo Mẫu số 04Đ Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

5.4. Thời hạn giải quyết: 30 ngày.

5.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Cơ quan, tổ chức Việt Nam, nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam là chủ đầu tư dự án đã được đăng ký theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước có đề nghị hủy đăng ký dự án.

5.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- *Cơ quan thẩm quyền quyết định:* Bộ quản lý lĩnh vực (Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng).

- *Cơ quan trực tiếp thực hiện:* Cơ quan được bộ quản lý lĩnh vực giao thực hiện.

- *Cơ quan phối hợp:* Cơ quan, tổ chức có liên quan.

5.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Thông tin về hủy dự án đã được đăng ký theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước được thể hiện trên Hệ thống đăng ký quốc gia về hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon.

5.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

(1) Đơn đề nghị hủy đăng ký dự án theo Mẫu số 06 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ;

(2) Phương thức liên lạc theo Mẫu số 04Đ Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ.

5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Cơ quan, tổ chức Việt Nam, nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam là chủ đầu tư dự án đã được đăng ký có đề nghị hủy đăng ký dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước.

5.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Điểm d khoản 2, khoản 8 Điều 91 và khoản 6 Điều 139 Luật Bảo vệ môi trường 2020;

- Khoản 17 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn.

Mẫu số 06

*(Ban hành kèm theo Phụ lục V Nghị định số 119/2025/NĐ-CP
ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ)*

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Hủy đăng ký dự án

Kính gửi:

*(Ghi tên Bộ quản lý lĩnh vực nhận hồ sơ đề nghị đăng ký dự án theo
cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước)*

I. Thông tin dự án đã đăng ký

1. Tên đầy đủ của dự án:
2. Mã dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước:
3. Lĩnh vực giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của dự án:
4. Đơn vị thẩm định tài liệu dự án:
 - Tên đơn vị thẩm định:
 - Mã đăng ký doanh nghiệp:
 - Mã số thuế cơ quan/tổ chức:
5. Ngày đơn vị thẩm định hoàn thành báo cáo thẩm định tài liệu dự án:
6. Ngày được phê duyệt đăng ký dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước:
7. Ngày được phê duyệt điều chỉnh dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước gần nhất (nếu có):

II. Thông tin tổ chức đại diện của dự án

1. Tên tổ chức đại diện đề nghị:
2. Người có thẩm quyền thay mặt cho tổ chức đại diện đề nghị:;
chức vụ:
3. Mã đăng ký doanh nghiệp:
4. Mã số thuế của tổ chức:

5. Thông tin liên hệ:

- Địa chỉ liên hệ:
- Điện thoại:
- Fax:
- Email:

III. Thông tin đề nghị

Đề nghị (tên bộ quản lý lĩnh vực nhận hồ sơ đề nghị) xem xét hủy đăng ký dự án (tên dự án) theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước.

Lý do đề nghị hủy đăng ký dự án:

IV. Hồ sơ kèm theo

1.
2.
3.

(Liệt kê đầy đủ tài liệu trong hồ sơ đề nghị thay đổi thành phần tham gia dự án theo danh mục Hồ sơ quy định tại điểm a khoản 8 Điều 20 Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, được bổ sung tại khoản 17 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ; trường hợp lý do đề nghị hủy đăng ký dự án do đơn vị thẩm định sửa đổi nội dung thẩm định tài liệu dự án, đề nghị cung cấp báo cáo thẩm định sửa đổi)

Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nếu vi phạm các quy định về cung cấp thông tin, hoàn thành các nghĩa vụ đã cam kết và trách nhiệm với các bên liên quan theo quy định của pháp luật do quyết định hủy đăng ký dự án.

(Địa danh), ngày tháng năm

TM. CƠ QUAN/TỔ CHỨC

(Đại diện cơ quan, tổ chức ký,
ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 04Đ

(Ban hành kèm theo Phụ lục V Nghị định số 119/2025/NĐ-CP
ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ)

PHƯƠNG THỨC LIÊN LẠC

Phần 1: Mô tả dự án	
Tên dự án	
Quốc gia thực hiện	Việt Nam
Thời gian đệ trình	Ngày ... tháng ... năm ...

Phần 2: Cơ quan đại diện		
Tên cơ quan:		
Địa chỉ :		
Điện thoại:	Fax:	
Địa chỉ thư điện tử:	Website:	
Người đại diện (chính thức):	Ông ☐	Bà ☐
Họ:	Tên:	
Chức vụ:		
Chữ ký:	Ngày ... tháng ... năm ...	
Người đại diện (thay thế):	Ông ☐	Bà ☐
Họ:	Tên:	
Chức vụ:		
Chữ ký:	Ngày ... tháng ... năm ...	
Đầu mối liên hệ:	Ông ☐	Bà ☐
Họ:	Tên:	
Chức vụ:		
Đơn vị công tác:		
Di động:	Điện thoại cơ quan.:	
Địa chỉ thư điện tử:	Fax:	
CHỈ ÁP DỤNG CHO TRƯỜNG HỢP YÊU CẦU THAY ĐỔI THÔNG TIN SAU KHI ĐĂNG KÝ	Tên cơ quan có thay đổi không?	Có ☐ (Tên cũ:) Không ☐
	Cơ quan đại diện có là bên tham gia dự án không?	Có ☐ Không ☐
	Trong trường hợp cơ quan đại diện là bên tham gia dự án, cơ quan có sử dụng chữ ký đại diện giống chữ ký sử dụng trong vai trò bên tham gia dự án không?	Có ☐ Không ☐

Phần 3: Bên thứ ba	
Bên thứ ba thực hiện thẩm định (và thẩm tra) dự án	
Địa chỉ:	
Đầu mối liên hệ:	Ông ☐ Bà ☐
Họ:	Tên:
Chức vụ:	
Đơn vị công tác:	
Địa chỉ thư điện tử:	Điện thoại liên hệ:

Phần 4: Danh sách các bên tham gia dự án ngoài cơ quan/tổ chức đại diện	
	Tên các bên tham gia dự án
(1)	
(2)	
(3)	
(4)	
(5)	
(6)	

**Có thể chèn thêm dòng vào Bảng, nếu cần thiết*

**Thông tin liên hệ của mỗi bên tham gia dự án sẽ được chỉ rõ tại Phần 5.*

Phần 5: Thông tin liên hệ <i>(Phần dành cho các bên tham gia dự án ngoài cơ quan/tổ chức đại diện)</i>	
Bên tham gia dự án (1)	
Tên bên tham gia dự án:	
Địa chỉ:	
Điện thoại:	Fax:
Địa chỉ thư điện tử:	Website:
Người đại diện (chính thức):	Ông ☐ Bà ☐
Họ:	Tên:
Chức vụ:	
Chữ ký:	Ngày ... tháng ... năm ...

Người đại diện (thay thế):		Ông ☐	Bà ☐
Họ:		Tên:	
Chức vụ:			
Chữ ký:		Ngày ... tháng ... năm ...	
Đầu mối liên hệ:		Ông ☐	Bà ☐
Họ:		Tên:	
Chức vụ:			
Đơn vị công tác:			
Di động:		Điện thoại cơ quan:	
Địa chỉ thư điện tử:		Fax:	
CHỈ ÁP DỤNG CHO TRƯỜNG HỢP YÊU CẦU THAY ĐỔI THÔNG TIN SAU KHI ĐĂNG KÝ	Tên bên tham gia dự án có thay đổi không?	Có ☐ (Tên cũ:) Không ☐	

**Có thể chèn thêm thông tin vào Bảng, nếu cần thiết.*

Phần 6: Xác nhận	
Xác nhận của cơ quan/tổ chức đại diện và các bên tham gia dự án.	
Tên cơ quan/tổ chức đại diện: Người đại diện: Chữ ký: Ngày ... tháng ... năm ...	(1) Tên bên tham gia dự án: Người đại diện: Chữ ký: Ngày ... tháng ... năm ...
(2) Tên bên tham gia dự án: Người đại diện: Chữ ký: Ngày ... tháng ... năm ...	(3) Tên bên tham gia dự án: Người đại diện: Chữ ký: Ngày ... tháng ... năm ...
(4) Tên bên tham gia dự án: Người đại diện: Chữ ký: Ngày ... tháng ... năm ...	(5) Tên bên tham gia dự án: Người đại diện: Chữ ký: Ngày ... tháng ... năm ...

**Có thể chèn thêm dòng vào Bảng, nếu cần thiết*

**Thông tin liên hệ của mỗi bên tham gia dự án sẽ được chỉ rõ tại Phần 5.*

Phần 7: Cam kết không đăng ký trùng lặp	
Cơ quan/tổ chức đại diện cam kết dự án này không được sử dụng để đăng ký tham gia bất kỳ cơ chế giảm phát thải nào khác ngoài Cơ chế này, đảm bảo tránh trùng lặp khi tính toán lượng giảm phát thải/hấp thụ khí nhà kính của dự án.	
Tôi xin cam đoan dự án này chưa được sử dụng để đăng ký vào bất kỳ cơ chế giảm phát thải khí nhà kính quốc tế nào khác ngoài Cơ chế..., đảm bảo tránh trùng lặp khi tính toán lượng giảm phát thải/hấp thụ khí nhà kính.	
Tôi xin cam đoan dự án này sẽ không được đăng ký cho bất kỳ cơ chế giảm phát thải quốc tế nào trong trường hợp dự án được công nhận là dự án thuộc Cơ chế...	
Cơ quan/tổ chức đại diện:	Ông ☐ Bà ☐
Họ:	Tên:
Chức vụ:	
Chữ ký:	Ngày ... tháng ... năm ...

6. Cấp tín chỉ các-bon theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước

6.1. Trình tự thực hiện

a) Bước 1: Nộp hồ sơ

Cơ quan, tổ chức là chủ đầu tư dự án đã được đăng ký theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước có đề nghị cấp tín chỉ các-bon gửi hồ sơ đề nghị tới bộ quản lý lĩnh vực phê duyệt đăng ký dự án (Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ) theo một trong các hình thức:

Trường hợp gửi hồ sơ tới Bộ Nông nghiệp và Môi trường:

- Cơ quan, tổ chức nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Một cửa của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, địa điểm tại trụ sở chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, số 10 Tôn Thất Thuyết, TP. Hà Nội;
- Cơ quan, tổ chức nộp hồ sơ trực tuyến tại cổng dịch vụ công tại địa chỉ: <http://dichvucong.mae.gov.vn>.

Trường hợp gửi hồ sơ tới Bộ Công Thương:

- Cơ quan, tổ chức nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Một cửa của Bộ Công Thương;
- Cơ quan, tổ chức nộp hồ sơ trực tuyến tại cổng dịch vụ công tại địa chỉ: <http://dichvucong.moit.gov.vn>.

Trường hợp gửi hồ sơ tới Bộ Xây dựng:

- Cơ quan, tổ chức nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Một cửa của Bộ Xây dựng;
- Cơ quan, tổ chức nộp hồ sơ trực tuyến tại cổng dịch vụ công tại địa chỉ: <http://dichvucong.moc.gov.vn>.

b) Bước 2: Kiểm tra hồ sơ

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, bộ quản lý lĩnh vực thông báo cho tổ chức đề nghị về tính hợp lệ của hồ sơ. Trong trường hợp hồ sơ không hợp lệ, tổ chức đề nghị hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn không quá 05 ngày kể từ ngày có thông báo.

Sau 15 ngày kể từ ngày có văn bản thông báo, trường hợp tổ chức không gửi hồ sơ đã được hoàn thiện theo văn bản thông báo thì phải thực hiện nộp lại hồ sơ như lần đầu.

c) Bước 3: Lấy ý kiến về việc cấp tín chỉ các-bon cho dự án

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, bộ quản lý lĩnh vực gửi hồ sơ tới các cơ quan, tổ chức liên quan lấy ý kiến về việc cấp

tín chỉ các-bon cho dự án. Cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn tối đa 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến.

d) Bước 4: Quyết định cấp tín chỉ các-bon và trả kết quả

Trong thời hạn 15 ngày sau khi nhận được ý kiến của các cơ quan, tổ chức liên quan, bộ quản lý lĩnh vực quyết định cấp tín chỉ các-bon và thông báo cho tổ chức đề nghị, Bộ Nông nghiệp và Môi trường để công bố trên Hệ thống đăng ký quốc gia về hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon; trường hợp không cấp tín chỉ các-bon phải nêu rõ lý do.

6.2. Cách thức thực hiện

- *Cách thức nộp hồ sơ:* Nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính.

- *Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ:* Kết quả cấp tín chỉ các-bon được thể hiện trên Hệ thống đăng ký quốc gia về hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon.

6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị cấp tín chỉ các-bon theo Mẫu số 07A Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ (*bản chính*);

(2) Báo cáo giám sát dự án theo Mẫu số 07B Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ;

(3) Báo cáo thẩm định kết quả giảm nhẹ dự án theo Mẫu số 07C Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ do đơn vị thẩm định quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, được bổ sung tại khoản 17 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ thực hiện (*bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực*);

(4) Báo cáo thực hiện phát triển bền vững của dự án theo Mẫu số 04D Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

6.4. Thời hạn giải quyết

- *Thời hạn kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ:* 03 ngày làm việc.

- *Thời hạn gửi hồ sơ lấy ý kiến:* 03 ngày làm việc.

- *Thời hạn góp ý kiến:* 15 ngày.

- *Trình phê duyệt và trả kết quả giải quyết:* 15 ngày.

6.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Cơ quan, tổ chức Việt Nam, nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam là chủ đầu tư dự án đã được đăng ký theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước có đề nghị cấp tín chỉ các-bon.

6.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- *Cơ quan thẩm quyền quyết định*: Bộ quản lý lĩnh vực (Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng).

- *Cơ quan trực tiếp thực hiện*: Cơ quan được bộ quản lý lĩnh vực giao thực hiện.

- *Cơ quan phối hợp*: Cơ quan, tổ chức có liên quan.

6.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Thông tin về việc cấp tín chỉ cho dự án đã được đăng ký theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước được công bố trên Hệ thống đăng ký quốc gia về hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon.

6.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

6.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

(1) Đơn đề nghị cấp tín chỉ các-bon theo Mẫu số 07A Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ;

(2) Báo cáo giám sát dự án theo Mẫu số 07B Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ;

(3) Báo cáo thẩm định kết quả giảm nhẹ dự án theo Mẫu số 07C Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ;

(4) Báo cáo thực hiện phát triển bền vững của dự án theo Mẫu số 04D Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ.

6.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Cơ quan, tổ chức Việt Nam, nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam là chủ đầu tư dự án đã được đăng ký theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước có đề nghị cấp tín chỉ các-bon.

6.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Điểm d khoản 2, khoản 8 Điều 91 và khoản 6 Điều 139 Luật Bảo vệ môi trường 2020;

- Khoản 17 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn.

Mẫu số 07A

*(Ban hành kèm theo Phụ lục V Nghị định số 119/2025/NĐ-CP
ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ)*

TÊN TỔ CHỨC**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/

(Địa danh), ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp tín chỉ các-bon

Kính gửi:

*(Ghi tên bộ quản lý lĩnh vực nhận hồ sơ đề nghị đăng ký dự án theo cơ chế trao
đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước)*

I. Thông tin dự án đã đăng ký

1. Tên đầy đủ của dự án:
2. Mã dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước:
3. Lĩnh vực giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của dự án:
4. Đơn vị thẩm định tài liệu dự án:
 - Tên đơn vị thẩm định:
 - Mã đăng ký doanh nghiệp:
 - Mã số thuế cơ quan/tổ chức:
5. Ngày đơn vị thẩm định hoàn thành báo cáo thẩm định tài liệu dự án:
6. Ngày được phê duyệt đăng ký dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước:
7. Ngày được phê duyệt điều chỉnh dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước gần nhất (nếu có):
8. Lượng giảm phát thải dự kiến từ dự án:
9. Thành phần tham gia dự án theo phê duyệt đăng ký/phê duyệt điều chỉnh dự án gần nhất và thông tin số tài khoản của các tổ chức tham gia dự án trên Hệ thống đăng ký quốc gia về hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon:
(Liệt kê đầy đủ thành phần tham gia dự án)

TT	Tên tổ chức tham gia dự án	Trụ sở của tổ chức tham gia dự án	Mã số doanh nghiệp, mã số thuế của tổ chức tham gia dự án	Số tài khoản tín chỉ của tổ chức trên Hệ thống đăng ký quốc gia
1				
2				
3				
...				

10. Giai đoạn nhận tín chỉ của dự án: từ tháng .../năm ... đến tháng .../ năm ...

11. Niên hạn của tín chỉ (chọn loại niên hạn 05 năm hoặc 10 năm):

- Bắt đầu: ngày.....tháng.....năm.....;

- Kết thúc: ngày.....tháng.....năm.....

II. Thông tin tổ chức đại diện của dự án

1. Tên tổ chức đại diện đề nghị:

2 Người có thẩm quyền thay mặt cho tổ chức đại diện đề nghị:.....;
chức vụ:

3. Mã đăng ký doanh nghiệp:

4. Mã số thuế của tổ chức:

5. Thông tin liên hệ:

- Địa chỉ liên hệ:

- Điện thoại:

- Fax:

- Email:

III. Thông tin thẩm định báo cáo kết quả giảm nhẹ của dự án

1. Thông tin đơn vị thẩm định kết quả giảm nhẹ của dự án :

- Tên đơn vị thẩm định:

- Mã đăng ký doanh nghiệp:

- Mã số thuế cơ quan/tổ chức:

2. Ngày đơn vị thẩm định hoàn thành báo cáo thẩm định kết quả giảm nhẹ của dự án cho giai đoạn đề nghị cấp tín chỉ:

3. Tổng lượng giảm phát thải khí nhà kính được xác minh: (*Ghi rõ lượng giảm phát thải khí nhà kính được xác minh theo từng năm*)

	Lượng giảm phát thải khí nhà kính được xác minh (tấn CO ₂ tương đương)
Năm 20...	
Năm 20...	
...	

IV. Đề nghị

1. Cấp tín chỉ cho dự án

Đề nghị (*tên bộ quản lý lĩnh vực nhận hồ sơ đề nghị*) xem xét cấp tín chỉ cho (*tên dự án*) theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước cho (giai đoạn đề nghị cấp tín chỉ) theo đề xuất như sau:

	Lượng giảm phát thải khí nhà kính được đơn vị thẩm định xác minh (tấn CO ₂ tương đương)	Lượng tín chỉ đề nghị cấp cho dự án (tín chỉ)
Năm 20...		
Năm 20...		
...		

2. Cấp tín chỉ cho các tổ chức tham gia dự án theo đề xuất phân bổ

Đề nghị (*tên bộ quản lý lĩnh vực nhận hồ sơ đề nghị*) xem xét cấp tín chỉ của (*tên dự án*) cho các tổ chức tham gia dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước cho (giai đoạn đề nghị cấp tín chỉ) theo đề xuất phân bổ tín chỉ như sau:

	Lượng giảm phát thải khí nhà kính được đơn vị thẩm định xác minh (tấn CO ₂ tương đương)	Tổ chức A (tín chỉ)	Tổ chức B (tín chỉ)	Tổ chức C (tín chỉ)
Năm 20...				
Năm 20...				
...				
Tổng				

V. Hồ sơ kèm theo

1.
2.
3.

(*Liệt kê đầy đủ tài liệu trong hồ sơ đề nghị cấp tín chỉ cho dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước theo danh mục hồ sơ quy định tại điểm a khoản 9 Điều 20 Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, được bổ sung tại khoản 17 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ*).

VI. Xác nhận đồng thuận của các tổ chức tham gia dự án về đề nghị cấp tín chỉ

Tên tổ chức	Xác nhận đồng thuận về đề nghị cấp tín chỉ (<i>Đại diện hợp pháp của tất cả các tổ chức tham gia dự án ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu</i>)
Tổ chức A	
Tổ chức B	
Tổ chức C	
...	

Chúng tôi xin cam đoan chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nếu vi phạm các quy định về cung cấp thông tin.

(Địa danh), ngày tháng năm

TM. CƠ QUAN/TỔ CHỨC

*(Đại diện cơ quan, tổ chức ký,
ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

Mẫu số 07B

*(Ban hành kèm theo Phụ lục V Nghị định số 119/2025/NĐ-CP
ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ)*

BÁO CÁO GIÁM SÁT DỰ ÁN**1. Các thông số được giám sát**

(a)	(b)	(c)	(d)	(e)	(f)	(g)	(h)	(i)	(j)
Thứ tự điểm giám sát	Thông số giám sát	Mô tả dữ liệu	Các giá trị ước tính	Đơn vị	Lựa chọn giám sát	Nguồn dữ liệu	Các phương thức và cách thức đo đạc	Tần suất giám sát	Ghi chú

2. Các thông số đặc trưng của dự án được mặc định trước

(a)	(b)	(c)	(d)	(e)	(f)
Thông số	Mô tả dữ liệu	Các giá trị ước tính	Đơn vị	Nguồn dữ liệu	Ghi chú

3. Ước lượng trước lượng giảm khí nhà kính

Lượng giảm phát thải CO ₂	Đơn vị
	Tấn CO ₂ /năm

Mẫu số 07C

(Ban hành kèm theo Phụ lục V Nghị định số 119/2025/NĐ-CP
ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ)

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH KẾT QUẢ GIẢM NHỆ DỰ ÁN**A. Tóm tắt nội dung****A.1. Thông tin chung**

Tên dự án:	
Số ký hiệu:	
Đơn vị thẩm định độc lập:	
Thành viên tham gia dự án đại diện ký hợp đồng với Đơn vị thẩm định độc lập	
Ngày lập báo cáo:	

A.2. Kết luận về quá trình xác minh

Đánh giá chung về thẩm định dự án	☐ Tích cực ☐ Tiêu cực
-----------------------------------	--

A.3. Tóm tắt các kết luận về quá trình thẩm định

Kết quả thẩm định dự án chỉ được đánh giá tích cực khi tất cả các ô vuông đều được đánh dấu

Nội dung thực hiện	Nội dung thẩm định	Không còn đề nghị sửa đổi (CAR) hoặc đề nghị làm rõ (CL)
Hoàn thành Mẫu tài liệu thiết kế dự án (PDD)	Đơn vị thẩm định làm nhiệm vụ thẩm tra việc hoàn thành Mẫu tài liệu thiết kế dự án có theo đúng mẫu quy định, phù hợp với loại dự án, và tuân thủ Hướng dẫn xây dựng Mẫu tài liệu thiết kế dự án trong Cơ chế ..., Hướng dẫn xây dựng kế hoạch và báo cáo giám sát hay không?	☐
Mô tả dự án	Phần mô tả dự án đề xuất trong Mẫu tài liệu thiết kế dự án có đảm bảo tính chính xác, hoàn thiện và bao quát hay không?	☐
Áp dụng (các) phương pháp đã phê duyệt	Phương pháp được lựa chọn áp dụng có phù hợp với các điều kiện của dự án hay không? Và phiên bản áp dụng có còn hiệu lực tại thời điểm đệ trình để thực hiện xác minh dự án hay không?	☐

Nội dung thực hiện	Nội dung thẩm định	Không còn đề nghị sửa đổi (CAR) hoặc đề nghị làm rõ (CL)
Nguồn phát thải và tính toán lượng giảm phát thải	Các nguồn phát thải khí nhà kính sử dụng để tính toán lượng phát thải của dự án và phát thải tham chiếu có được liệt kê đầy đủ hay không?	☐
	Các giá trị mặc định (tính toán trước) cho các thông số của dự án được liệt kê trong Mẫu giám sát có phù hợp hay không (nếu áp dụng)?	☐
Đánh giá tác động môi trường	Trong trường hợp phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM), các thành viên tham gia dự án đã thực hiện ĐTM theo đúng quy định của Việt Nam hay chưa?	☐
Tham vấn các bên liên quan tại địa phương	Các thành viên tham gia dự án phải thực hiện quá trình tham vấn các bên liên quan tại địa phương nhằm gắn kết sự tham gia của các Bên và tập hợp ý kiến đóng góp cho dự án được đề xuất.	☐
Tổ chức giám sát	Phần mô tả về kế hoạch giám sát (sử dụng Mẫu kế hoạch giám sát và Cơ cấu tổ chức giám sát) phải dựa theo phương pháp đã phê duyệt và/hoặc Hướng dẫn về xây dựng Mẫu tài liệu thiết kế dự án, Kế hoạch giám sát và Báo cáo giám sát. Các điểm giám sát đo đạc và việc lắp đặt thiết bị (trong trường hợp cần thiết) phải đảm bảo tính phù hợp.	☐
Ý kiến công chúng	Các thành viên tham gia dự án đảm bảo dữ liệu điền vào Mẫu tài liệu thiết kế dự án có theo đúng Hướng dẫn thủ tục về chu trình dự án.	☐
Các hình thức liên lạc	Thông tin nhận biết về các thành viên tham gia dự án, cơ quan/tổ chức đại diện và cá nhân đại diện cho các đơn vị bao gồm chữ ký mẫu, chức vụ và thông tin về đại diện có thẩm quyền cần được liệt kê trong Mẫu về các hình thức liên lạc.	☐
	Mẫu phương thức công bố thông tin phải được hoàn thành một cách chính xác và theo đúng thẩm quyền.	☐
Tránh đăng ký trùng lặp	Dự án đăng ký thực hiện theo Cơ chế ... không được đăng ký tham gia vào bất kỳ cơ chế giảm phát thải khí nhà kính quốc tế nào khác.	☐
Thời điểm bắt đầu thực hiện	Thời điểm bắt đầu dự án theo Cơ chế ... không được diễn ra trước ngày ... tháng ... năm ...	☐

Đại diện có thẩm quyền (chính thức):	Ông ☐	Bà ☐
Họ:	Tên:	
Chức vụ:		
Chữ ký:	Ngày ... tháng ... năm ...	

B. Nhóm công tác thực hiện việc công nhận và chuyên gia

	Thành viên	Cơ quan	Chức vụ	Kinh nghiệm về các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon	Trình độ chuyên môn	Kinh nghiệm thực tế
Ông ☐ Bà ☐				☐		☐
Ông ☐ Bà ☐				☐		☐
Ông ☐ Bà ☐				☐		☐

C. Hình thức xác nhận, kết quả và kết luận dựa vào quy định về báo cáo
C.1. Biểu mẫu về tài liệu thiết kế dự án (PDD)
<Hình thức xác nhận>
< Kết quả >
< Kết luận dựa vào quy định về việc báo cáo >
C.2. Mô tả dự án
<Hình thức xác nhận>
< Kết quả >
< Kết luận dựa vào quy định về việc báo cáo >

C.3. Áp dụng (các) phương pháp đã phê duyệt

<Hình thức xác nhận>

< Kết quả >

< Kết luận dựa vào quy định về việc báo cáo >

C.4. Nguồn phát thải và tính toán lượng giảm phát thải

<Hình thức xác nhận>

< Kết quả >

< Kết luận dựa vào quy định về việc báo cáo >

C.5. Đánh giá tác động môi trường

<Hình thức xác nhận>

< Kết quả >

< Kết luận dựa vào quy định về việc báo cáo >

C.6. Tham vấn các bên liên quan tại địa phương

<Hình thức xác nhận>

< Kết quả >

< Kết luận dựa vào quy định về việc báo cáo >

C.7. Tổ chức giám sát

<Hình thức xác nhận>

< Kết quả >

< Kết luận dựa vào quy định về việc báo cáo >

C.8. Các phương thức công bố thông tin

<Hình thức xác nhận>

< Kết quả >

< Kết luận dựa vào quy định về việc báo cáo >

C.9. Tránh đăng ký trùng lặp

<Hình thức xác nhận>

< Kết quả >

< Kết luận dựa vào quy định về việc báo cáo >

C.10. Thời điểm bắt đầu thực hiện dự án

<Hình thức xác nhận>

< Kết quả >

< Kết luận dựa vào quy định về việc báo cáo >

C.11. Các vấn đề khác

<Hình thức xác nhận>

< Kết quả >

< Kết luận dựa vào quy định về việc báo cáo >

D. Thông tin về ý kiến công chúng

D.1. Tóm tắt các ý kiến công chúng

--

D.2. Tóm tắt quá trình xử lý dữ liệu thu nhận của các thành viên tham gia dự án

E. Danh sách đối tượng thực hiện phỏng vấn và các tài liệu được cung cấp

E.1. Danh sách đối tượng thực hiện phỏng vấn

--

E.2. Danh sách tài liệu được cung cấp

--

Phụ lục: Bảng cấp hoặc Sơ yếu lý lịch các thành viên tham gia Nhóm thực hiện thẩm định dự án của Đơn vị thẩm định độc lập, các chuyên gia và kiểm soát kỹ thuật nội bộ

Đính kèm chứng chỉ và sơ yếu lý lịch của các thành viên nhóm thẩm định của Đơn vị thẩm định, các chuyên gia kỹ thuật và phản biện nội bộ của Đơn vị thẩm định.

Mẫu số 04D

(Ban hành kèm theo Phụ lục V Nghị định số 119/2025/NĐ-CP
ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ)

KẾ HOẠCH / BÁO CÁO
Thực hiện phát triển bền vững của dự án

A. Mô tả dự án**A.1. Tên dự án**

--

A.2. Thông tin chung của dự án

Số tham chiếu	
Ngày đăng ký	.../.../...
Thời gian giám sát	Bắt đầu: .../.../..., Kết thúc: .../.../...

B. Đóng góp cho phát triển bền vững**B.1 Danh sách kiểm tra đóng góp cho phát triển bền vững**

TT	Các mục		Không xác định	Đã xác định	Mô tả các hành động khắc phục trong trường hợp đánh dấu ô “đã xác định”
1	Báo cáo đánh giá tác động môi trường	Dự án được đưa vào Báo cáo đánh giá tác động môi trường	☐	☐	
2	Kiểm soát ô nhiễm	Xảy ra ô nhiễm chất lượng không khí xung quanh	☐	☐	
3		Xảy ra ô nhiễm chất lượng nước	☐	☐	
4		Xảy ra phát sinh chất thải	☐	☐	
5		Xảy ra tiếng ồn và/hoặc độ rung	☐	☐	
6		Xảy ra sụt lún đất	☐	☐	
7		Xảy ra mùi xung quanh	☐	☐	
8	An toàn và sức khỏe	Xảy ra sự cố hoặc tai nạn lao động	☐	☐	
9	Môi trường tự nhiên và đa dạng sinh học	Thay đổi tình trạng khu vực được bảo vệ	☐	☐	
10		Thay đổi điều kiện sử dụng đất và hệ sinh thái	☐	☐	
11		Giới thiệu các loài ngoại lai	☐	☐	

TT	Các mục		Không xác định	Đã xác định	Mô tả các hành động khắc phục trong trường hợp đánh dấu ô “đã xác định”
12		Tác động môi trường trong khi xây dựng	☐	☐	
13		Sử dụng nước bề mặt, nước ngầm và/hoặc nước ngầm sâu	☐	☐	
14	Kinh tế	Giảm năng lực lao động địa phương	☐	☐	
15		Suy giảm phúc lợi cộng đồng địa phương	☐	☐	
16	Sự tham gia của cộng đồng xã hội và địa phương	Vi phạm nhân quyền thông qua chuỗi cung ứng và thực hiện dự án	☐	☐	
17		Các vấn đề liên quan đến quyền về sức khỏe, quyền của người dân bản địa, cộng đồng địa phương, người di cư, trẻ em, người khuyết tật và người có hoàn cảnh dễ bị tổn thương và quyền phát triển, cũng như bình đẳng giới, trao quyền cho phụ nữ và công bằng giữa các thế hệ	☐	☐	
18		Xuất hiện tái định cư hoặc xung đột	☐	☐	
19		Thất bại trong việc theo dõi các nhận xét và khiếu nại	☐	☐	
20		Vi phạm điều kiện làm việc quy định	☐	☐	
21	Công nghệ	Thất bại trong việc xây dựng năng lực con người và thể chế bằng chuyển giao công nghệ	☐	☐	
22		Thất bại trong việc cung cấp được thông số kỹ thuật công nghệ và sách hướng dẫn sử dụng ít nhất bằng tiếng Anh và tiếng Việt nếu có	☐	☐	

Đánh dấu vào từng ô “Không xác định” hoặc “Đã xác định” tùy thuộc vào loại tác động thông qua việc thực hiện dự án phù hợp với từng hạng mục được xác định. Khi ô “Đã xác định” được đánh dấu, các bên tham gia dự án được yêu cầu mô tả các hành động khắc phục đối với từng tác động “Đã xác định”.

B.2 Mô tả đóng góp của dự án theo Cơ chế... cho sự phát triển bền vững ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam dưới đây:

--

7. Chấp thuận đăng ký chuyển đổi chương trình, dự án đăng ký theo Cơ chế phát triển sạch (CDM) sang Cơ chế Điều 6.4 Thỏa thuận Paris

7.1. Trình tự thực hiện

a) Bước 1: Nộp hồ sơ

Cơ quan, tổ chức là chủ đầu tư chương trình, dự án đăng ký theo Cơ chế phát triển sạch có đề nghị chấp thuận đăng ký chuyển đổi gửi hồ sơ đề nghị tới Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo một trong các hình thức:

- Cơ quan, tổ chức nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Một cửa của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, địa điểm tại trụ sở chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, số 10 Tôn Thất Thuyết, TP. Hà Nội;
- Cơ quan, tổ chức nộp hồ sơ trực tuyến tại cổng dịch vụ công tại địa chỉ: <http://dichvucong.mae.gov.vn>.

b) Bước 2: Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị, Bộ Nông nghiệp và Môi trường thông báo cho tổ chức đề nghị về một trong các trường hợp: chấp nhận hồ sơ hợp lệ; yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ hoặc từ chối nếu hồ sơ không hợp lệ. Thời hạn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đề nghị là không quá 15 ngày kể từ ngày có văn bản thông báo về việc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

c) Bước 3: Tổ chức đánh giá hồ sơ

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị hợp lệ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường tổ chức đánh giá hồ sơ đề nghị chuyển đổi; lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan. Cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn tối đa 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến kèm theo hồ sơ.

d) Bước 4: Quyết định chấp thuận đăng ký chuyển đổi chương trình, dự án đăng ký theo Cơ chế phát triển sạch (CDM) sang Cơ chế Điều 6.4 Thỏa thuận Paris và trả kết quả

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả đánh giá, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, quyết định chấp thuận đăng ký chuyển đổi chương trình, dự án, thông báo cho tổ chức đề nghị và công bố trên Hệ thống đăng ký quốc gia về hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon; trường hợp không được chấp thuận phải nêu rõ lý do.

7.2. Cách thức thực hiện

- *Cách thức nộp hồ sơ:* Nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính.

- *Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ*: Nhận văn bản chấp thuận đăng ký chuyển đổi chương trình, dự án đăng ký theo Cơ chế phát triển sạch (CDM) sang Cơ chế Điều 6.4 Thỏa thuận Paris thông qua Bộ phận Một cửa hoặc hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

7.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị đăng ký chuyển đổi chương trình, dự án quy định tại Mẫu số 09 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ (*bản chính*);

(2) Tài liệu thiết kế dự án theo quy định của Cơ chế phát triển sạch;

(3) Tài liệu yêu cầu Cơ quan quản lý Cơ chế 6.4 cho phép chuyển đổi và xác nhận của Cơ quan quản lý Cơ chế 6.4 về việc đã tiếp nhận yêu cầu chuyển đổi.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

7.4. Thời hạn giải quyết

- *Thời hạn kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ*: 05 ngày làm việc.

- *Thời hạn tổ chức đánh giá và gửi hồ sơ lấy ý kiến*: 30 ngày.

- *Thời hạn góp ý kiến*: 10 ngày.

- *Trình phê duyệt và trả kết quả giải quyết*: 05 ngày làm việc.

7.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Cơ quan, tổ chức Việt Nam, nước ngoài là chủ đầu tư chương trình, dự án đăng ký theo Cơ chế phát triển sạch có đề nghị chấp thuận đăng ký chuyển đổi chương trình, dự án đăng ký theo Cơ chế phát triển sạch (CDM) sang Cơ chế Điều 6.4 Thỏa thuận Paris.

7.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- *Cơ quan thẩm quyền quyết định*: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- *Cơ quan trực tiếp thực hiện*: Cục Biến đổi khí hậu.

- *Cơ quan phối hợp*: Cơ quan, tổ chức có liên quan.

7.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Văn bản chấp thuận chuyển đổi chương trình, dự án theo quy định của Cơ chế Điều 6.4 Thỏa thuận Paris.

7.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

7.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Đơn đề nghị đăng ký chuyển đổi chương trình, dự án quy định tại Mẫu số 09 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ.

7.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Cơ quan, tổ chức Việt Nam, nước ngoài là chủ đầu tư chương trình, dự án đăng ký theo Cơ chế phát triển sạch có đề nghị chấp thuận đăng ký chuyển đổi gửi hồ sơ đề nghị tới Bộ Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 30 tháng 9 năm 2025.

7.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Khoản 6, khoản 11 Điều 139 Luật Bảo vệ môi trường 2020;
- Khoản 18 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn.

Mẫu số 09

*(Ban hành kèm theo Phụ lục V Nghị định số 119/2025/NĐ-CP
ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ)*

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...***ĐƠN ĐĂNG KÝ**

**Chuyển đổi chương trình/dự án theo Cơ chế phát triển sạch
sang Cơ chế Điều 6.4 Thỏa thuận Paris**

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

I. Thông tin về tổ chức đại diện đề nghị

1. Tên tổ chức đại diện đề nghị:
2. Mã đăng ký doanh nghiệp:
3. Mã số thuế cơ quan/tổ chức:
4. Người đại diện cơ quan/tổ chức đại diện: Chức vụ:
CCCD/Hộ chiếu số:
5. Địa chỉ trụ sở:
6. Địa chỉ liên hệ:
7. Điện thoại liên hệ:
8. Fax:
9. Email:

II. Thông tin về tổ chức khác tham gia chương trình/dự án *(ghi rõ tên các cơ quan/tổ chức tham gia dự án, mã đăng ký doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở của cơ quan/tổ chức tham gia dự án)*

III. Nội dung đề nghị

Đề nghị đăng ký chuyển đổi chương trình/dự án để thực hiện theo Cơ chế Điều 6.4 của Thỏa thuận Paris với những thông tin sau:

1. Tên đầy đủ, mã đăng ký của chương trình/dự án theo Cơ chế CDM:

.....

2. Địa điểm thực hiện chương trình/dự án:

.....

3. Thời gian bắt đầu thực hiện chương trình/dự án:

.....

4. Lĩnh vực giảm phát thải khí nhà kính của chương trình/dự án:

.....

5. Dự kiến lượng giảm phát thải khí nhà kính từ chương trình/dự án:
.....; lượng tín chỉ quy đổi:
.....

IV. Các văn bản, tài liệu kèm theo

Hồ sơ đề nghị đăng ký bao gồm:

1. Đơn đề nghị chuyển đổi của chương trình/dự án và các tài liệu khác có liên quan đã gửi cho Ban chấp hành quốc tế của CDM để đăng ký chuyển đổi; *(Mẫu đơn do Ban thư ký Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu ban hành tại phụ lục hướng dẫn quy trình chuyển đổi các dự án CDM sang Cơ chế 6.4).*

2. Thư xác nhận đăng ký chuyển đổi dự án của Ban chấp hành quốc tế của CDM *(Liệt kê các tài liệu trong hồ sơ đề nghị xác nhận theo danh mục Hồ sơ quy định tại điểm a khoản 3 Điều 20a Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, được bổ sung tại khoản 18 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ).*

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính trung thực và độ chính xác của các thông tin, trong các tài liệu nêu trên theo pháp luật của Việt Nam và quy định quốc tế.

Kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét chấp thuận cho phép chuyển đổi chương trình/dự án sang Cơ chế Điều 6.4 Thỏa thuận Paris.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

*(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/
chữ ký số của cơ quan, tổ chức)*

8. Chấp thuận chuyển giao quốc tế tín chỉ các-bon, kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính

8.1. Trình tự thực hiện

a) Bước 1: Nộp hồ sơ

Tổ chức được cấp tín chỉ các-bon từ dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon quy định tại điểm a khoản 1 Điều 20a Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, được bổ sung tại khoản 18 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ gửi đơn đề nghị chấp thuận chuyển giao quốc tế tín chỉ các-bon, kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính đến Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo một trong các hình thức:

- Tổ chức nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Một cửa của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, địa điểm tại trụ sở chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, số 10 Tôn Thất Thuyết, TP. Hà Nội;
- Tổ chức nộp hồ sơ trực tuyến tại cổng dịch vụ công tại địa chỉ: <http://dichvucong.mae.gov.vn>.

b) Bước 2: Quyết định ban hành văn bản chấp thuận chuyển giao tín chỉ các-bon quốc tế

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị chấp thuận, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, quyết định ban hành văn bản chấp thuận chuyển giao tín chỉ các-bon quốc tế theo quy định của Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu; trường hợp không được chấp thuận phải nêu rõ lý do.

8.2. Cách thức thực hiện

- *Cách thức nộp hồ sơ*: Nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính.
- *Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ*: Nhận văn bản chấp thuận chuyển giao tín chỉ các-bon quốc tế theo quy định của Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu thông qua Bộ phận Một cửa hoặc hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

8.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

Thành phần hồ sơ: Đơn đề nghị chấp thuận chuyển giao quốc tế tín chỉ các-bon, kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính (*bản chính*).

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

8.4. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc.

8.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Tổ chức Việt Nam, nước ngoài được cấp tín chỉ các-bon từ dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon quy định tại điểm a khoản 1 Điều 20a Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, được bổ sung tại khoản 18 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ.

8.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- *Cơ quan thẩm quyền quyết định*: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
- *Cơ quan trực tiếp thực hiện*: Cục Biến đổi khí hậu.
- *Cơ quan phối hợp*: Cơ quan, tổ chức có liên quan.

8.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Văn bản chấp thuận chuyển giao tín chỉ các-bon quốc tế theo quy định của Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu.

8.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

8.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Đơn đề nghị chấp thuận chuyển giao quốc tế tín chỉ các-bon, kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính quy định tại Mẫu số 10 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ.

8.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức Việt Nam, nước ngoài được cấp tín chỉ các-bon từ dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon quy định tại điểm a khoản 1 Điều 20a Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, được bổ sung tại khoản 18 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ.

8.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Khoản 6, khoản 11 Điều 139 Luật Bảo vệ môi trường 2020;
- Khoản 18 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn.

Mẫu số 10

*(Ban hành kèm theo Phụ lục V Nghị định số 119/2025/NĐ-CP
ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ)*

TÊN CƠ QUAN/TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa danh), ngày ... tháng... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

**Chấp thuận chuyển giao quốc tế tín chỉ các-bon/
kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính**

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Căn cứ điểm a khoản 3 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét chấp thuận chuyển giao quốc tế lượng tín chỉ các-bon, kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính với thông tin như sau:

I. Thông tin bên đề nghị chấp thuận chuyển giao quốc tế tín chỉ các-bon/kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính

1. Tên công ty/tổ chức viết bằng tiếng Việt:
2. Tên công ty/tổ chức viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):
3. Giấy phép kinh doanh số:
4. Mã số thuế doanh nghiệp:
5. Đại diện cơ quan/tổ chức:
6. Chức vụ:
7. Địa chỉ:
8. Điện thoại: Fax:
9. Email:

II. Thông tin về dự án có tín chỉ các-bon/kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính đề nghị chấp thuận chuyển giao quốc tế

1. Tên đầy đủ, mã đăng ký của chương trình/dự án:
-

2. Tên cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon dự án đăng ký:
3. Lĩnh vực giảm phát thải khí nhà kính của dự án:
4. Thời gian đăng ký thực hiện dự án:
5. Tổng lượng tín chỉ dự kiến được phân bổ từ chương trình, dự án:
6. Lượng tín chỉ đã được cấp của chương trình, dự án (nếu có):
- Số seri tín chỉ (nếu có):
- Cơ quan cấp tín chỉ (nếu có):

III. Thông tin bên nhận chuyển giao quốc tế tín chỉ các-bon/kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính

1. Tên cơ quan/tổ chức:.....
2. Mã số đăng ký doanh nghiệp tại quốc gia sở tại:.....
3. Người đại diện cơ quan/tổ chức:
4. Địa chỉ:
5. Quốc gia:
6. Điện thoại:
7. Fax (nếu có):
8. Email (nếu có):.....Website (nếu có):
9. Mục đích sử dụng lượng chuyển giao quốc tế tín chỉ các-bon:.....

IV. Đề nghị chấp thuận

Lượng tín chỉ các-bon/kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính chuyển giao quốc tế: (số lượng)..... từ số seri (số seri bắt đầu của lượng tín chỉ) đến số seri ... trên Hệ thống đăng ký quốc gia về hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon phục vụ (nêu rõ mục đích sử dụng lượng chuyển giao quốc tế tín chỉ các-bon)

Cơ quan/Tổ chức chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nếu vi phạm các quy định về yêu cầu đối với các thông tin đã cung cấp.

Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét chấp thuận chuyển giao quốc tế lượng tín chỉ các-bon từ dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon.

(Địa danh), ngày...tháng...năm

TM. CƠ QUAN/TỔ CHỨC

(Ký tên, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CẤP TRUNG ƯƠNG

1. Xác nhận tín chỉ các-bon để trao đổi trên Sàn giao dịch các-bon (mã số: 1.010683)

1.1. Trình tự thực hiện

a) Bước 1: Nộp hồ sơ

Tổ chức tham gia chương trình, dự án theo cơ chế quy định tại điểm b khoản 1 Điều 20a Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, được bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ gửi hồ sơ tới Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo một trong các hình thức:

- Tổ chức nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Một cửa, địa điểm tại trụ sở chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, số 10 Tôn Thất Thuyết, TP. Hà Nội;
- Tổ chức nộp hồ sơ trực tuyến tại cổng dịch vụ công tại địa chỉ: <http://dichvucong.mae.gov.vn>.

b) Bước 2: Tổ chức xác nhận lượng tín chỉ được trao đổi trên Sàn giao dịch các-bon và trả kết quả

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được đơn đề nghị, Bộ Nông nghiệp và Môi trường rà soát, xác nhận và gửi thông tin về lượng tín chỉ các-bon được xác nhận vào tài khoản của tổ chức đề nghị trên Sàn giao dịch các-bon; trường hợp không xác nhận phải nêu rõ lý do.

1.2. Cách thức thực hiện

- *Cách thức nộp hồ sơ:* Nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính.
- *Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ:* Nhận thông tin về lượng tín chỉ các-bon được xác nhận vào tài khoản của tổ chức đề nghị trên Sàn giao dịch các-bon.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị xác nhận tín chỉ các-bon quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ (*bản chính*);

(2) Chứng nhận của cơ quan quản lý cơ chế đối với lượng tín chỉ các-bon của chương trình, dự án để được trao đổi trên Sàn giao dịch các-bon.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết: 10 ngày.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Tổ chức Việt Nam, nước ngoài tham gia chương trình, dự án theo cơ chế quy định tại điểm b khoản 1 Điều 20a Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, được bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ.

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan thẩm quyền quyết định: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cục Biến đổi khí hậu.
- Cơ quan phối hợp: Cơ quan, tổ chức có liên quan.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Thông tin về lượng tín chỉ các-bon được xác nhận vào tài khoản của tổ chức đề nghị trên Sàn giao dịch các-bon.

1.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Đơn đề nghị xác nhận tín chỉ các-bon theo Mẫu số 02 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức Việt Nam, nước ngoài tham gia chương trình, dự án theo cơ chế quy định tại điểm b khoản 1 Điều 20a Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, được bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Khoản 11 Điều 139 Luật Bảo vệ môi trường 2020;
- Khoản 16 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn.

Mẫu số 02

*(Ban hành kèm theo Phụ lục V Nghị định số 119/2025/NĐ-CP
ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ)*

TÊN CƠ QUAN/TỔ CHỨC**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐỀ NGHỊ****Xác nhận tín chỉ các-bon**

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Tên cơ quan/tổ chức:

Đại diện cơ quan/tổ chức: Chức vụ:

Mã đăng ký doanh nghiệp:

Mã số thuế cơ quan/tổ chức:

Địa chỉ liên hệ:

Điện thoại:Fax:

Email:

1. Thông tin dự án

- Tên đầy đủ và mã đăng ký của chương trình/dự án:
- Tên cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon dự án đăng ký:
- Lĩnh vực giảm phát thải khí nhà kính của chương trình/dự án:
- Giai đoạn nhận tín chỉ các-bon của chương trình/dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon: từ tháng năm đến tháng năm

2. Đề nghị xác nhận

Số lượng tín chỉ các-bon: tín chỉ có số seri tín chỉ từ đến số seri tín chỉ từ dự án trên được giao dịch trên Sàn giao dịch các-bon/hoặc để giảm phát thải khí nhà kính tự nguyện của ...(1)....

Hồ sơ đề nghị xác nhận bao gồm:

1.
2.
3.

(Liệt kê các tài liệu trong hồ sơ đề nghị xác nhận theo danh mục Hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều 19 Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, được bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ)

Chúng tôi cam kết bảo đảm về độ trung thực, chính xác của các số liệu, tài liệu trong các văn bản nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường xác nhận lượng tín chỉ các-bon của dự án trên được phép giao dịch trên Sàn giao dịch các-bon/hoặc để giảm phát thải khí nhà kính tự nguyện.

(Địa danh), ngày tháng năm

TM. CƠ QUAN/TỔ CHỨC

*(Đại diện hợp pháp ký tên,
ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

2. Chấp thuận chương trình, dự án đăng ký theo Cơ chế Điều 6.4 Thỏa thuận Paris (mã số: 1.010684)

2.1. Trình tự thực hiện

a) Bước 1: Nộp hồ sơ

Cơ quan, tổ chức có đề nghị chấp thuận chương trình, dự án gửi hồ sơ tới Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo một trong các hình thức sau:

- Cơ quan, tổ chức nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Một cửa, địa điểm tại trụ sở chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, số 10 Tôn Thất Thuyết, TP. Hà Nội;

- Cơ quan, tổ chức nộp hồ sơ trực tuyến tại cổng dịch vụ công tại địa chỉ: <http://dichvucong.mae.gov.vn>.

b) Bước 2: Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị, Bộ Nông nghiệp và Môi trường thông báo cho tổ chức đề nghị về một trong các trường hợp: chấp nhận hồ sơ hợp lệ; yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ hoặc từ chối nếu hồ sơ không hợp lệ. Thời hạn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đề nghị là không quá 15 ngày kể từ ngày có văn bản thông báo về việc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

c) Bước 3: Tổ chức đánh giá và lấy ý kiến hồ sơ

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị hợp lệ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường tổ chức đánh giá hồ sơ đề nghị chấp thuận chương trình, dự án; lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan. Cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn tối đa 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến. Bộ Nông nghiệp và Môi trường tổ chức đánh giá theo các nội dung: biện pháp giảm phát thải khí nhà kính; phương pháp tạo tín chỉ các-bon; sự phù hợp của dự án theo quy định của cơ chế Điều 6.4.

d) Bước 4: Quyết định chấp thuận chương trình, dự án đăng ký theo Cơ chế Điều 6.4 Thỏa thuận Paris

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả đánh giá, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, quyết định chấp thuận chương trình, dự án đăng ký theo Cơ chế Điều 6.4 Thỏa thuận Paris, thông báo cho tổ chức đề nghị và công bố trên Hệ thống đăng ký quốc gia về hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon; trường hợp không được chấp thuận phải nêu rõ lý do.

2.2. Cách thức thực hiện

- *Cách thức nộp hồ sơ:* Nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính.

- *Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ*: Nhận văn bản chấp thuận chương trình, dự án đăng ký theo Cơ chế Điều 6.4 Thỏa thuận Paris tại Bộ phận Một cửa hoặc hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đề nghị quy định tại Mẫu số 08 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ (*bản chính*);

(2) Tài liệu thiết kế dự án theo quy định của cơ chế;

(3) Báo cáo kỹ thuật hoặc báo cáo thẩm định dự án theo quy định của cơ chế (*bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực*);

(4) Các loại giấy phép và văn bản có liên quan đến hoạt động chuyên môn của dự án theo quy định pháp luật hiện hành (*bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực*).

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết

- *Thời hạn kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ*: 05 ngày làm việc.

- *Thời hạn tổ chức đánh giá và lấy ý kiến hồ sơ*: 30 ngày.

- *Trình phê duyệt và trả kết quả giải quyết*: 05 ngày làm việc.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Cơ quan, tổ chức Việt Nam, nước ngoài có đề nghị chấp thuận chương trình, dự án theo Cơ chế Điều 6.4 Thỏa thuận Paris.

2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- *Cơ quan thẩm quyền quyết định*: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- *Cơ quan trực tiếp thực hiện*: Cục Biến đổi khí hậu.

- *Cơ quan phối hợp*: Cơ quan, tổ chức có liên quan.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Văn bản chấp thuận chương trình, dự án đăng ký theo Cơ chế Điều 6.4 Thỏa thuận Paris theo quy định của Cơ chế Điều 6.4 Thỏa thuận Paris.

2.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

Đơn đề nghị quy định tại Mẫu số 08 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Cơ quan, tổ chức Việt Nam, nước ngoài có đề nghị chấp thuận chương trình, dự án theo Cơ chế Điều 6.4 Thỏa thuận Paris.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Khoản 6, khoản 11 Điều 139 Luật Bảo vệ môi trường 2020;
- Khoản 18 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn.

Mẫu số 08

*(Ban hành kèm theo Phụ lục V Nghị định số 119/2025/NĐ-CP
ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ)*

TÊN CƠ QUAN/TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

**Chấp thuận đăng ký chương trình, dự án theo
Cơ chế Điều 6.4 Thỏa thuận Paris**

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Tên doanh nghiệp:

Tên chương trình/dự án:.....

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:.....

Email:.....

Xin gửi đến Bộ Nông nghiệp và Môi trường những hồ sơ sau:

- Tài liệu chương trình/dự án;

- Báo cáo kỹ thuật hoặc báo cáo thẩm định chương trình/dự án của cơ quan thẩm định độc lập;

- Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực các loại giấy phép và văn bản có liên quan đến hoạt động chuyên môn của chương trình/dự án theo quy định hiện hành;

Chúng tôi xin bảo đảm về độ trung thực của các số liệu, tài liệu trong các văn bản nêu trên. Nếu có gì sai phạm chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét và chấp thuận chương trình/dự án nêu trên.

(Địa danh), ngày...tháng...năm

TM. CƠ QUAN/TỔ CHỨC

(Ký tên, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

3. Đăng ký sử dụng, phân bổ hạn ngạch sản xuất, nhập khẩu các chất được kiểm soát (mã số: 1.010685)

3.1. Trình tự thực hiện

a) Bước 1: Nộp hồ sơ

Tổ chức đăng ký sử dụng, phân bổ hạn ngạch sản xuất, nhập khẩu các chất được kiểm soát nộp hồ sơ về Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo một trong các hình thức:

- Tổ chức nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Một cửa của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, địa điểm tại trụ sở chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, số 10 Tôn Thất Thuyết, TP. Hà Nội;

- Tổ chức nộp hồ sơ trực tuyến tại cổng dịch vụ công tại địa chỉ: <http://dichvucong.mae.gov.vn>.

Trường hợp hồ sơ được gửi qua đường bưu điện, thời gian tiếp nhận hồ sơ được xác định căn cứ trên dấu bưu điện đi.

b) Bước 2: Kiểm tra hồ sơ

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký, Bộ Nông nghiệp và Môi trường thông báo cho tổ chức đăng ký về việc chấp nhận hồ sơ hợp lệ hoặc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Thời hạn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đăng ký là không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày có thông báo về việc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

c) Bước 3: Đánh giá hồ sơ, công bố thông tin về việc đăng ký sử dụng chất được kiểm soát

Bộ Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, đánh giá hồ sơ đăng ký và công bố thông tin về tổ chức đã hoàn thành đăng ký sử dụng chất được kiểm soát trên Cổng thông tin điện tử Bộ Nông nghiệp và Môi trường, trang thông tin điện tử của Cục Biến đổi khí hậu trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ.

d) Bước 4: Thẩm định hồ sơ đăng ký phân bổ hạn ngạch

Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét quyết định phân bổ hạn ngạch sản xuất và nhập khẩu cho tổ chức theo quy định tại Mẫu số 03A của Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ trong thời hạn 30 ngày làm việc.

đ) Bước 5: Trả kết quả

Bộ Nông nghiệp và Môi trường thông báo việc phân bổ hạn ngạch sản xuất, nhập khẩu các chất được kiểm soát theo quy định tại Mẫu số 05A của Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ tới tổ chức đăng ký thuộc đối tượng quy định tại điểm a, b khoản 1

Điều 24 Nghị định số 06/2022/NĐ-CP trong thời hạn 03 ngày làm việc thông qua Bộ phận Một cửa hoặc hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

3.2. Cách thức thực hiện

- *Cách thức nộp hồ sơ*: Nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính.

- *Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ*: Tra cứu thông tin trực tuyến trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến, thông tin công bố trên Cổng thông tin điện tử Bộ Nông nghiệp và Môi trường, trang thông tin điện tử Cục Biến đổi khí hậu đối với hồ sơ hoàn thành đăng ký sử dụng chất được kiểm soát; nhận thông báo về hạn ngạch sản xuất, nhập khẩu các chất được kiểm soát thông qua Bộ phận Một cửa đối với hồ sơ đăng ký phân bổ hạn ngạch nộp qua Bộ phận Một cửa hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đối với hồ sơ đăng ký phân bổ hạn ngạch nộp trực tuyến.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

Đối với trường hợp đăng ký lần đầu:

Thành phần hồ sơ:

(1) Đơn đăng ký sử dụng các chất được kiểm soát theo Mẫu số 01 Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP của Chính phủ (*bản chính*);

(2) Văn bản chứng minh tư cách pháp nhân của tổ chức đăng ký theo quy định pháp luật (*bản sao có xác nhận và đóng dấu sao y bản chính*).

Đối với trường hợp điều chỉnh, bổ sung thông tin đăng ký hoặc đăng ký hạn ngạch sản xuất và nhập khẩu:

(1) Báo cáo tình hình sử dụng các chất được kiểm soát theo Mẫu số 02 Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP của Chính phủ (*bản chính*).

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3.4. Thời hạn giải quyết

- *Thời hạn kiểm tra hồ sơ*: 03 ngày làm việc.

- *Thời hạn đánh giá, công bố thông tin đăng ký*: 10 ngày làm việc.

- *Thời hạn thẩm định hồ sơ*: 30 ngày làm việc.

- *Trả kết quả giải quyết*: 03 ngày làm việc.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

- Tổ chức có hoạt động sản xuất chất được kiểm soát;

- Tổ chức có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu chất được kiểm soát;

- Tổ chức sản xuất, nhập khẩu thiết bị, sản phẩm có chứa hoặc sản xuất từ chất được kiểm soát;

- Tổ chức sở hữu thiết bị có chứa các chất được kiểm soát: máy điều hòa không khí có năng suất lạnh danh định từ 26,5 kW (90.000 BTU/h) trở lên; thiết bị lạnh công nghiệp có công suất điện từ 40 kW trở lên;
- Tổ chức thực hiện dịch vụ thu gom, tái chế, tái sử dụng và xử lý chất được kiểm soát.

3.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- *Cơ quan thẩm quyền quyết định*: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
- *Cơ quan trực tiếp thực hiện*: Cục Biến đổi khí hậu.
- *Cơ quan phối hợp*: Cơ quan, tổ chức có liên quan.

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

- Công bố thông tin về tổ chức đã hoàn thành đăng ký sử dụng chất được kiểm soát trên Cổng thông tin điện tử Bộ Nông nghiệp và Môi trường, trang thông tin điện tử Cục Biến đổi khí hậu.
- Thông báo phân bổ hạn ngạch sản xuất, nhập khẩu chất được kiểm soát theo Mẫu số 05A của Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ.

3.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- (1) Đơn đăng ký sử dụng các chất được kiểm soát theo Mẫu số 01 Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ.
- (2) Báo cáo tình hình sử dụng các chất được kiểm soát theo Mẫu số 02 Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ.
- (3) Thông báo về việc phân bổ hạn ngạch sản xuất, nhập khẩu chất được kiểm soát theo Mẫu số 05A của Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ.

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức có nhu cầu phân bổ hạn ngạch sản xuất và nhập khẩu các chất được kiểm soát nộp hồ sơ trước ngày 15 tháng 01 hằng năm.

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Điểm a khoản 2 Điều 92 Luật Bảo vệ môi trường 2020;
- Khoản 21 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn.

Mẫu số 01

*(Ban hành kèm theo Phụ lục VI Nghị định số 119/2025/NĐ-CP
ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ)*

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐĂNG KÝ
SỬ DỤNG CÁC CHẤT ĐƯỢC KIỂM SOÁT**

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Căn cứ Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn; Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, (tên tổ chức) đăng ký sử dụng các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát trong khuôn khổ Nghị định thư Montreal với thông tin như sau:

1. Thông tin về tổ chức

- Tên đầy đủ của tổ chức:
- Mã số doanh nghiệp:
- Số, ký hiệu của giấy phép đăng ký kinh doanh, hoạt động hoặc quyết định thành lập: Ngày cấp: Nơi cấp:
- Tên người đại diện theo pháp luật của tổ chức: Chức vụ:
- Tên người đại diện liên lạc của tổ chức:
- Địa chỉ liên hệ: Điện thoại:
- Fax: Địa chỉ thư điện tử:

2. Nội dung đăng ký

a) Lĩnh vực sử dụng chất được kiểm soát:

- ☐ Sản xuất chất được kiểm soát;
- ☐ Nhập khẩu chất được kiểm soát;
- ☐ Xuất khẩu chất được kiểm soát;

- ☐ Sản xuất thiết bị, sản phẩm có chứa hoặc sản xuất từ chất được kiểm soát;
- ☐ Nhập khẩu thiết bị, sản phẩm có chứa hoặc sản xuất từ chất được kiểm soát;
- ☐ Sở hữu máy điều hòa không khí có năng suất lạnh danh định từ 26,5 kW (90.000 BTU/h) trở lên;
- ☐ Sở hữu thiết bị lạnh công nghiệp có công suất điện từ 40 kW trở lên;
- ☐ Thu gom, tái chế, tái sử dụng và xử lý chất được kiểm soát.

b) Thông tin sử dụng chất được kiểm soát:

(Thông tin cụ thể cung cấp trong các bảng 1.1 - 1.4 kèm theo)

3. Tài liệu kèm theo Đơn đăng ký (liệt kê các tài liệu kèm theo, nếu có)

.....

Các thông tin trên được đăng ký trên nhu cầu sử dụng thực tế của (Tên tổ chức đăng ký).

(Tên tổ chức đăng ký) bảo đảm và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về tính trung thực của các thông tin, dữ liệu được cung cấp trong đơn đăng ký này và tài liệu kèm theo.

(Địa danh), ngày... tháng ... năm ...

TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ

(Ký, ghi rõ họ và tên kèm theo chức danh
và đóng dấu nếu có)

Bảng 1.1: Thông tin sử dụng chất được kiểm soát (dành cho tổ chức sản xuất, nhập khẩu, xuất khẩu chất được kiểm soát)

TT	Tên chất	Năm ...		Năm ...		Năm ...		Trung bình 03 năm		Thông tin khác
		Lượng (kg)	Lượng (tấn ODP hoặc tấn CO ₂ tđ)	Lượng (kg)	Lượng (tấn ODP hoặc tấn CO ₂ tđ)	Lượng (kg)	Lượng (tấn ODP hoặc tấn CO ₂ tđ)	Lượng (kg)	Lượng (tấn ODP hoặc tấn CO ₂ tđ)	
1.	Sản xuất chất được kiểm soát									
	HCFC...									
	HFC...									
	TỔNG	...	...	...	...	...	...			
2.	Nhập khẩu chất được kiểm soát									
	HCFC...									Nơi nhập khẩu, ghi rõ tên chất
	HFC...									
	TỔNG	...	...	...	...	...	...			
3.	Xuất khẩu chất được kiểm soát									
	HCFC...									Nơi nhập khẩu, ghi rõ tên chất
	HFC...									
	TỔNG	...	...	...	...	...	...			

Ghi chú: Cung cấp thông tin sản xuất, nhập khẩu, xuất khẩu chất được kiểm soát của 03 năm gần nhất trước năm đăng ký.

Bảng 1.2: Thông tin sử dụng chất được kiểm soát (dành cho tổ chức sản xuất, nhập khẩu thiết bị, sản phẩm có chứa hoặc sản xuất từ chất được kiểm soát)

TT	Năm ... *						
	Loại thiết bị, sản phẩm (Số hiệu, hãng SX)	Mã HS	Năng suất lạnh/Công suất điện	Số lượng sản xuất, nhập khẩu	Tên chất được kiểm soát có chứa trong thiết bị, sản phẩm hoặc được sử dụng để sản xuất ra thiết bị, sản phẩm	Lượng chất có chứa trong 01 đơn vị sản phẩm (kg)	Ghi chú
1.	Sản xuất thiết bị, sản phẩm có chứa hoặc sản xuất từ chất được kiểm soát						
	Điều hòa không khí				HCFC...		
	...				HFC...		
	Tủ lạnh				HCFC...		
	...				HFC...		
2.	Nhập khẩu thiết bị, sản phẩm có chứa hoặc sản xuất từ chất được kiểm soát						
	Điều hòa không khí				HCFC...		Nơi nhập khẩu, ghi rõ tên chất
	...				HFC...		
	Tủ lạnh				HCFC...		
	...				HFC...		

Ghi chú: (*) Cung cấp thông tin về thiết bị, sản phẩm có chứa hoặc sản xuất từ chất được kiểm soát của năm trước năm đăng ký.

Bảng 1.3: Thông tin sử dụng chất được kiểm soát (dành cho tổ chức sở hữu thiết bị có chứa chất được kiểm soát)

TT	Thông tin về thiết bị có chứa chất được kiểm soát					Thông tin về hoạt động nạp mới chất được kiểm soát vào thiết bị của năm ...	
	Loại thiết bị (số hiệu, hãng sản xuất)	Năm bắt đầu sử dụng	Năng suất lạnh/ Công suất điện	Số lượng thiết bị	Lượng chất được kiểm soát có chứa trong thiết bị (kg)	Tần suất nạp mới chất được kiểm soát vào thiết bị (lần/năm)	Lượng chất được nạp vào thiết bị/lần (kg)
1.	Máy điều hòa không khí có năng suất lạnh danh định từ 26,5 kW (90.000 BTU/h) trở lên						
2.	Thiết bị lạnh công nghiệp có công suất điện từ 40 kW trở lên						

Ghi chú: Cung cấp thông tin về thiết bị có chứa chất được kiểm soát do tổ chức sở hữu của năm trước năm đăng ký.

Bảng 1.4: Thông tin sử dụng chất được kiểm soát (dành cho tổ chức thu gom, tái chế, tái sử dụng và xử lý các chất được kiểm soát)

TT	Thông tin về chất được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý của năm ...			Thông tin khác (nguồn thu gom...)
	Tên chất	Lượng (kg)	Lượng (tấn CO ₂ tđ)	
1.	Thu gom chất được kiểm soát			
	HCFC...			
	HFC...			
2.	Tái sử dụng chất được kiểm soát sau thu gom			
	HCFC...			
	HFC...			
3.	Tái chế chất được kiểm soát sau thu gom			
	HCFC...			
	HFC...			
4.	Xử lý chất được kiểm soát			
	HCFC...			
	HFC...			

Ghi chú:

- Trong phạm vi Nghị định, xử lý các chất được kiểm soát là quá trình tiêu hủy các chất được kiểm soát bằng các giải pháp công nghệ, kỹ thuật để không gây tác động tiêu cực đến sức khỏe con người và môi trường.

- Cung cấp thông tin về chất được kiểm soát được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý của năm trước năm đăng ký.

Mẫu số 02

*(Ban hành kèm theo Phụ lục VI Nghị định số 119/2025/NĐ-CP
ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ)*

TÊN TỔ CHỨC**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BÁO CÁO****Tình hình sử dụng các chất được kiểm soát**

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Căn cứ Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn; Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, (tên tổ chức) đăng ký sử dụng các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát trong khuôn khổ Nghị định thư Montreal với các thông tin cụ thể như sau:

1. Thông tin chung (chỉ bổ sung thông tin thay đổi hoặc điều chỉnh so với thông tin đăng ký)

a) Thông tin về tổ chức báo cáo

- Tên đầy đủ của tổ chức: ...

- Mã số doanh nghiệp:

- Số, ký hiệu của giấy phép đăng ký kinh doanh, hoạt động hoặc quyết định thành lập: ... Ngày cấp: ... Nơi cấp: ...

- Tên người đại diện theo pháp luật của tổ chức... Chức vụ: ...

- Tên người đại diện liên lạc của tổ chức: ...

- Địa chỉ liên hệ: ... Điện thoại: ...

- Fax: ... Địa chỉ thư điện tử: ...

b) Thông tin về lĩnh vực hoạt động sử dụng chất được kiểm soát

☐ Sản xuất chất được kiểm soát;

☐ Nhập khẩu chất được kiểm soát;

☐ Xuất khẩu chất được kiểm soát;

- ☐ Sản xuất thiết bị, sản phẩm có chứa hoặc sản xuất từ chất được kiểm soát;
- ☐ Nhập khẩu thiết bị, sản phẩm có chứa hoặc sản xuất từ chất được kiểm soát;
- ☐ Sở hữu máy điều hòa không khí có năng suất lạnh danh định từ 26,5 kW (90.000 BTU/h) trở lên;
- ☐ Sở hữu thiết bị lạnh công nghiệp có công suất điện từ 40 kW trở lên;
- ☐ Thu gom, tái chế, tái sử dụng và xử lý các chất được kiểm soát.

2. Báo cáo về tình hình sử dụng chất được kiểm soát trong năm ...

Căn cứ vào lĩnh vực hoạt động sử dụng chất được kiểm soát đã đăng ký, tổ chức báo cáo tình hình sử dụng chất được kiểm soát theo các thông tin chi tiết tại Bảng kèm theo.

3. Tài liệu kèm theo báo cáo (liệt kê các tài liệu kèm theo, nếu có)

Đối với tổ chức có hoạt động sản xuất chất được kiểm soát; tổ chức có hoạt động nhập khẩu, xuất khẩu chất được kiểm soát, tổ chức sản xuất, nhập khẩu thiết bị, sản phẩm có chứa hoặc sản xuất từ chất được kiểm soát gửi kèm Tờ khai hải quan cho từng lần nhập khẩu, xuất khẩu chất được kiểm soát trong năm báo cáo.

Đối với tổ chức sở hữu thiết bị có chứa chất được kiểm soát, đề nghị ghi chú “Thiết bị đăng ký mới” nếu có thay đổi so với thông tin đăng ký.

4. Cam kết

(Tên tổ chức) bảo đảm và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về tính trung thực của các thông tin, dữ liệu được cung cấp trong báo cáo này và tài liệu kèm theo.

(Địa danh), ngày... tháng ... năm ...

TỔ CHỨC BÁO CÁO

*(Ký, ghi rõ họ và tên kèm theo chức danh
và đóng dấu nếu có)*

Bảng 2.1: Báo cáo về tình hình sử dụng hạn ngạch sản xuất và nhập khẩu các chất được kiểm soát (dành cho tổ chức sản xuất, nhập khẩu và xuất khẩu chất được kiểm soát)

TT	Thông tin về chất được kiểm soát		Hạn ngạch được phân bổ trong năm báo cáo...		Hạn ngạch được điều chỉnh, bổ sung trong năm báo cáo...		Tổng lượng hạn ngạch sử dụng đến hết 31 tháng 12 của năm báo cáo...*					Đăng ký hạn ngạch của năm sau năm báo cáo**	
	Tên chất	Mã HS	Lượng (kg)	Lượng (tấn ODP hoặc tấn CO ₂ td)	Lượng (kg)	Lượng (tấn ODP hoặc tấn CO ₂ td)	Lượng (kg)	Lượng (tấn ODP hoặc tấn CO ₂ td)	Giá trung bình	Nơi xuất khẩu, nhập khẩu	Số hiệu tờ khai HQ	Lượng (kg)	Lượng (tấn ODP hoặc tấn CO ₂ td)
1.	Sản xuất chất được kiểm soát												
	HCFC...												
	HFC...												
	Tổng cộng		...	...	...	...	...	...				...	...
2.	Nhập khẩu chất được kiểm soát												
	HCFC...												
	HFC...												
	HCFC...												
	Tổng cộng		...	...	...	...	...	...				...	...
3.	Xuất khẩu chất được kiểm soát												
	HCFC...												
	HFC...												
	Tổng cộng		...	...	...	...	...	...				...	...

Ghi chú: (*) Báo cáo kèm theo Tờ khai hải quan cho từng lần nhập khẩu, xuất khẩu chất được kiểm soát trong năm báo cáo.

(**) Thông tin đăng ký là cơ sở để xem xét, phân bổ hạn ngạch sản xuất, nhập khẩu theo tên chất và khối lượng (kg).

Bảng 2.2: Báo cáo về tình hình sử dụng chất được kiểm soát (dành cho tổ chức sản xuất, nhập khẩu thiết bị, sản phẩm có chứa hoặc sản xuất từ chất được kiểm soát)

TT	Năm ... *						
	Loại sản phẩm/ thiết bị (Số hiệu, hãng SX)	Mã HS	Năng suất lạnh/ Công suất điện	Số lượng sản xuất, nhập khẩu	Tên chất được kiểm soát có chứa trong thiết bị, sản phẩm hoặc được sử dụng để sản xuất ra thiết bị, sản phẩm	Lượng chất có chứa trong 01 đơn vị sản phẩm (kg)	Ghi chú
1	Sản xuất thiết bị, sản phẩm có chứa hoặc sản xuất từ chất được kiểm soát						
	Điều hòa không khí				HCFC...		
	...				HFC...		
	Tủ lạnh				HCFC...		
	...				HFC...		
2	Nhập khẩu thiết bị, sản phẩm có chứa hoặc sản xuất từ chất được kiểm soát						
	Điều hòa không khí				HCFC...		
	...				HFC...		
	Tủ lạnh				HCFC...		
	...				HFC...		

Ghi chú:

(*) Cung cấp thông tin về thiết bị, sản phẩm có chứa hoặc sản xuất từ chất được kiểm soát của năm báo cáo.

Bảng 2.3: Báo cáo về tình hình sử dụng chất được kiểm soát (dành cho tổ chức sở hữu thiết bị có chứa chất được kiểm soát)

TT	Thông tin về thiết bị có chứa chất được kiểm soát					Thông tin về hoạt động nạp mới chất được kiểm soát vào thiết bị của năm ...		Ghi chú
	Loại thiết bị (số hiệu, hãng sản xuất)	Số lượng thiết bị	Lượng chất được kiểm soát có chứa trong thiết bị (kg)	Năng suất lạnh/ Công suất điện	Năm bắt đầu sử dụng	Tần suất nạp mới chất được kiểm soát vào thiết bị (lần/năm)	Lượng chất được nạp vào thiết bị/lần (kg)	
1.	Máy điều hòa không khí có năng suất lạnh danh định từ 26,5 kW (90.000 BTU/h) trở lên							
2.	Thiết bị lạnh công nghiệp có công suất điện từ 40 kW trở lên							

Ghi chú: Đề nghị ghi chú rõ “Thiết bị đăng ký mới” nếu có thay đổi so với thông tin đăng ký.

Bảng 2.4: Báo cáo về tình hình sử dụng chất được kiểm soát (dành cho tổ chức thu gom, tái chế, tái sử dụng và xử lý các chất được kiểm soát)

TT	Tên chất	Thông tin về chất được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý của năm ...											Thông tin khác
		Thu gom			Tái sử dụng		Tái chế			Xử lý để tiêu hủy			
		Khối lượng (kg)	Địa điểm thu gom	Địa điểm lưu giữ sau thu gom	Khối lượng (kg)	Công nghệ, địa điểm cơ sở tái sử dụng	Khối lượng (kg)	Công nghệ, cơ sở thực hiện tái chế	Địa điểm sử dụng sau tái chế	Khối lượng (kg)	Công nghệ xử lý	Cơ sở xử lý	
	HCFC...												
	HFC...												
	Tổng cộng												

Ghi chú: Trong phạm vi Nghị định, xử lý các chất được kiểm soát là quá trình tiêu hủy các chất được kiểm soát bằng các giải pháp công nghệ, kỹ thuật để không gây tác động tiêu cực đến sức khỏe con người và môi trường.

Mẫu số 05A

*(Ban hành kèm theo Phụ lục VI Nghị định số 119/2025/NĐ-CP
ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ)*

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
CỤC BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ... /TB-...

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

THÔNG BÁO

**Về việc phân bổ hạn ngạch sản xuất, nhập khẩu
các chất được kiểm soát**

Căn cứ Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn;

Căn cứ Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-BNNMT ngày ... tháng... năm ... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc phân bổ hạn ngạch sản xuất, nhập khẩu các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát trong khuôn khổ Nghị định thư Montreal;

Cục Biến đổi khí hậu, Bộ Nông nghiệp và Môi trường thông báo việc phân bổ hạn ngạch sản xuất, nhập khẩu các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát trong khuôn khổ Nghị định thư Montreal với các thông tin như sau:

1. Thông tin về tổ chức được phân bổ hạn ngạch sản xuất/nhập khẩu:
 - Tên đầy đủ của tổ chức: ...
 - Mã số doanh nghiệp: ...
 - Số, ký hiệu của giấy phép đăng ký kinh doanh, hoạt động hoặc quyết định thành lập: ... Ngày cấp: ... Nơi cấp: ...
 - Tên người đại diện theo pháp luật của tổ chức... Chức vụ: ...
 - Tên người đại diện liên lạc của tổ chức:
 - Địa chỉ liên hệ: ... Điện thoại: ...
 - Fax: ... Địa chỉ thư điện tử: ...
2. Hạn ngạch sản xuất/nhập khẩu được phân bổ năm ... của tổ chức: Danh mục chất và khối lượng chất quy đổi tương ứng theo kg kèm theo Thông báo này.

Cục Biến đổi khí hậu thông báo để tổ chức ... biết và thực hiện.

CỤC TRƯỞNG

*(Ký, ghi rõ họ và tên kèm theo chức danh
và đóng dấu)*

Phụ lục 05A.1
HẠN NGẠCH NHẬP KHẨU CÁC CHẤT LÀM SUY GIẢM TẦNG Ô-DÔN,
CHẤT GÂY HIỆU ỨNG NHÀ KÍNH ĐƯỢC KIỂM SOÁT
TRONG KHUÔN KHỔ NGHỊ ĐỊNH THƯ MONTREAL
NĂM ...

(Kèm theo Thông báo số ... /TB-... ngày tháng ... năm ...)

Tên tổ chức được phân bổ hạn ngạch nhập khẩu:

TT	Tên chất và khối lượng*					Ghi chú
	Tên chất	Mã HS	Khối lượng (kg)	Khối lượng (tấn ODP)	Khối lượng (tấn CO ₂ tđ)	
1.						
2.						
3.						
4.						
...						

Ghi chú: (*) Tên chất được kiểm soát và khối lượng quy đổi theo kg trên cơ sở đăng ký phân bổ hạn ngạch nhập khẩu của doanh nghiệp, có sự điều chỉnh về khối lượng để đảm bảo không vượt tổng hạn ngạch nhập khẩu các chất được phân bổ quy đổi theo tấn ODP và tấn CO₂tđ.

Phụ lục 05A.2

**HẠN NGẠCH SẢN XUẤT CÁC CHẤT LÀM SUY GIẢM TẦNG Ô-DÔN, CHẤT
GÂY HIỆU ỨNG NHÀ KÍNH ĐƯỢC KIỂM SOÁT
TRONG KHUÔN KHỔ NGHỊ ĐỊNH THƯ MONTREAL
NĂM ...**

(Kèm theo Thông báo số ... /TB-... ngày tháng ... năm ...)

Tên tổ chức được phân bổ hạn ngạch sản xuất:

TT	Tên chất và khối lượng*					Ghi chú
	Tên chất	Mã HS	Khối lượng (kg)	Khối lượng (tấn ODP)	Khối lượng (tấn CO ₂ td)	
1.						
2.						
3.						
4.						
...						

Ghi chú: (*) Tên chất được kiểm soát và khối lượng quy đổi theo kg trên cơ sở đăng ký phân bổ hạn ngạch sản xuất của doanh nghiệp, có sự điều chỉnh về khối lượng để đảm bảo không vượt tổng hạn ngạch sản xuất các chất được phân bổ quy đổi theo tấn ODP và tấn CO₂td.

4. Điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch sản xuất, nhập khẩu các chất được kiểm soát (mã số: 1.010686)

4.1. Trình tự thực hiện

a) Bước 1: Nộp hồ sơ

Tổ chức có nhu cầu điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch sản xuất và nhập khẩu các chất được kiểm soát gửi đơn đề nghị đến Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo một trong các hình thức:

- Tổ chức nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Một cửa, địa điểm tại trụ sở chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, số 10 Tôn Thất Thuyết, TP. Hà Nội;

- Tổ chức nộp hồ sơ trực tuyến tại cổng dịch vụ công tại địa chỉ: <http://dichvucong.mae.gov.vn>.

b) Bước 2: Thẩm định hồ sơ

Bộ phận Một cửa tiếp nhận hồ sơ và gửi hồ sơ đề nghị điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch sản xuất, nhập khẩu các chất được kiểm soát đến Cục Biến đổi khí hậu trong ngày làm việc.

Trong thời hạn 30 ngày làm việc, Bộ Nông nghiệp và Môi trường tổ chức đánh giá hồ sơ theo các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 và xem xét quyết định việc điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch sản xuất, nhập khẩu các chất được kiểm soát.

c) Bước 3: Thông báo về việc điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, Bộ Nông nghiệp và Môi trường thông báo việc điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch sản xuất, nhập khẩu các chất được kiểm soát tới tổ chức đề nghị thông qua Bộ phận Một cửa hoặc hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

4.2. Cách thức thực hiện

- *Cách thức nộp hồ sơ:* Nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính.
- *Cách thức nhận kết quả giải quyết hồ sơ:* Nhận thông báo về việc điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch sản xuất và nhập khẩu chất được kiểm soát thông qua Bộ phận Một cửa đối với hồ sơ đăng ký điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch nộp qua Bộ phận Một cửa hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến đối với hồ sơ đăng ký điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch nộp trực tuyến.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

Thành phần hồ sơ: Đơn đề nghị điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch sản xuất, nhập khẩu các chất được kiểm soát theo Mẫu số 04 Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ (*bản chính*).

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4.4. Thời hạn giải quyết

- Thời hạn thẩm định hồ sơ: 30 ngày làm việc.
- Trả kết quả giải quyết: 03 ngày làm việc.

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Tổ chức đã được phân bổ hạn ngạch sản xuất và nhập khẩu chất được kiểm soát trong năm.

4.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cục Biến đổi khí hậu.
- Cơ quan phối hợp: Bộ Công Thương và cơ quan, tổ chức có liên quan.

4.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Thông báo điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch sản xuất, nhập khẩu các chất được kiểm soát theo Mẫu số 05B Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ.

4.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

4.9. Tên mẫu đơn, tờ khai của thủ tục hành chính

- Đơn đề nghị điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch sản xuất và nhập khẩu các chất được kiểm soát theo Mẫu số 04 Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ.

- Thông báo điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch sản xuất, nhập khẩu các chất được kiểm soát theo Mẫu số 05B Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ.

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Tổ chức có nhu cầu điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch sản xuất và nhập khẩu các chất được kiểm soát nộp hồ sơ trước ngày 10 tháng 7 hằng năm.

4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Điểm a khoản 2 Điều 92 Luật Bảo vệ môi trường 2020;
- Khoản 21 Điều 1 Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn.

Mẫu số 04

*(Ban hành kèm theo Phụ lục VI Nghị định số 119/2025/NĐ-CP
ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ)*

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

**Điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch sản xuất, nhập khẩu
các chất được kiểm soát**

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Căn cứ Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn; Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, (tên tổ chức) đề nghị điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch sản xuất, nhập khẩu các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát trong khuôn khổ Nghị định thư Montreal với các thông tin như sau:

1. Thông tin về tổ chức đề nghị (chỉ bổ sung thông tin thay đổi hoặc điều chỉnh so với thông tin đăng ký)

- Tên đầy đủ của tổ chức: ...
- Mã số doanh nghiệp:
- Số, ký hiệu của giấy phép đăng ký kinh doanh, hoạt động hoặc quyết định thành lập: ... Ngày cấp: ... Nơi cấp: ...
- Tên người đại diện theo pháp luật của tổ chức... Chức vụ: ...
- Tên người đại diện liên lạc của tổ chức: ...
- Địa chỉ liên hệ: ... Điện thoại: ...
- Fax: ... Địa chỉ thư điện tử: ...

2. Nội dung đề nghị

- Đề nghị điều chỉnh, bổ sung phân bổ hạn ngạch sản xuất ☐
- Đề nghị điều chỉnh, bổ sung phân bổ hạn ngạch nhập khẩu ☐

3. Tóm tắt tình hình sử dụng hạn ngạch được phân bổ và đề nghị điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch sản xuất, nhập khẩu các chất được kiểm soát (mẫu kèm theo)

4. Tài liệu kèm theo Đơn đề nghị (liệt kê các tài liệu kèm theo, nếu có)

Trường hợp doanh nghiệp xuất khẩu các chất được kiểm soát đề nghị bổ sung hạn ngạch nhập khẩu, đề nghị cung cấp thông tin và tờ khai hải quan về hoạt động xuất khẩu đã thực hiện để làm cơ sở xem xét, bổ sung hạn ngạch nhập khẩu.

5. Cam kết

(Tên tổ chức đề nghị) bảo đảm và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về tính trung thực của các thông tin, dữ liệu được cung cấp trong đơn đề nghị này và tài liệu kèm theo.

(Địa danh), ngày... tháng ... năm ...

TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ

*(Ký, ghi rõ họ và tên kèm theo chức danh
và đóng dấu nếu có)*

Bảng 4: Thông tin đề nghị điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch sản xuất, nhập khẩu các chất được kiểm soát

[illegible]

Mẫu số 05B

*(Ban hành kèm theo Phụ lục VI Nghị định số 119/2025/NĐ-CP
ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ)*

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
CỤC BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../TB-...

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm...

THÔNG BÁO

**Về việc điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch sản xuất, nhập khẩu
các chất được kiểm soát**

Căn cứ Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn;

Căn cứ Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn;

Căn cứ Quyết định số ... /QĐ-BNNMT ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch sản xuất, nhập khẩu các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát trong khuôn khổ Nghị định thư Montreal;

Cục Biến đổi khí hậu, Bộ Nông nghiệp và Môi trường thông báo việc điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch sản xuất, nhập khẩu các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát trong khuôn khổ Nghị định thư Montreal với các thông tin như sau:

1. Thông tin về tổ chức được điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch:

- Tên đầy đủ của tổ chức:
- Số, ký hiệu của giấy phép đăng ký kinh doanh, hoạt động hoặc quyết định thành lập: Ngày cấp: Nơi cấp:
- Tên người đại diện theo pháp luật của tổ chức:.....Chức vụ:
- Tên người đại diện liên lạc của tổ chức:
- Địa chỉ liên hệ: Điện thoại:
- Fax: Địa chỉ thư điện tử:

2. Hạn ngạch sản xuất/nhập khẩu được điều chỉnh, bổ sung năm ... của tổ chức: Danh mục chất và lượng chất được sản xuất/nhập khẩu điều chỉnh, bổ sung kèm theo Thông báo này.

3. Thông báo này thay thế Thông báo số ngày ... tháng.... năm.... của về việc phân bổ hạn ngạch nhập khẩu các chất được kiểm soát trong khuôn khổ Nghị định thư Montreal.

Cục Biến đổi khí hậu thông báo để tổ chức ... biết và thực hiện.

CỤC TRƯỞNG

*(Ký, ghi rõ họ và tên kèm theo chức danh
và đóng dấu)*

Phụ lục 05B.1

**ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG HẠN NGẠCH NHẬP KHẨU CÁC CHẤT
LÀM SUY GIẢM TẦNG Ô-DÔN, CHẤT GÂY HIỆU ỨNG NHÀ KÍNH
ĐƯỢC KIỂM SOÁT TRONG KHUÔN KHỔ NGHỊ ĐỊNH THU MONTREAL
NĂM ...**

(Kèm theo Thông báo số ... /TB-... ngày tháng ... năm ...)

Tên tổ chức được điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch nhập khẩu:

TT	Tên chất và khối lượng*					Ghi chú
	Tên chất	Mã HS	Khối lượng (kg)	Khối lượng (tấn ODP)	Khối lượng (tấn CO ₂ tđ)	
1.						
2.						
3.						
4.						
...						

Ghi chú: (*) Tên chất được kiểm soát và khối lượng quy đổi theo kg trên cơ sở Văn bản đề nghị điều chỉnh, bổ sung của doanh nghiệp, có sự điều chỉnh về khối lượng để đảm bảo không vượt tổng hạn ngạch nhập khẩu điều chỉnh, bổ sung quy đổi theo tấn ODP và tấn CO₂tđ.

Phụ lục 05B.2

**ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG HẠN NGẠCH SẢN XUẤT CÁC CHẤT
LÀM SUY GIẢM TẦNG Ô-DÔN, CHẤT GÂY HIỆU ỨNG NHÀ KÍNH
ĐƯỢC KIỂM SOÁT TRONG KHUÔN KHỔ NGHỊ ĐỊNH THƯ MONTREAL
NĂM ...**

(Kèm theo Thông báo số ... /TB-... ngày tháng năm ...)

Tên tổ chức được điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch sản xuất:

TT	Tên chất và khối lượng*					Ghi chú
	Tên chất	Mã HS	Khối lượng (kg)	Khối lượng (tấn ODP)	Khối lượng (tấn CO ₂ td)	
1.						
2.						
3.						
4.						
...						

Ghi chú: (*) Tên chất được kiểm soát và khối lượng quy đổi theo kg trên cơ sở Văn bản đề nghị điều chỉnh, bổ sung của doanh nghiệp, có sự điều chỉnh về khối lượng để đảm bảo không vượt tổng hạn ngạch sản xuất được điều chỉnh, bổ sung quy đổi theo tấn ODP và tấn CO₂td.